

MỤC LỤC	TRANG	
	BÀI TẬP	ĐÁP ÁN
10 ĐỀ ÔN GIỮA KÌ I		
ĐỀ 1	2	62
ĐỀ 2	4	62
ĐỀ 3	6	63
ĐỀ 4	8	64
ĐỀ 5	10	65
ĐỀ 6	12	66
ĐỀ 7	14	67
ĐỀ 8	16	68
ĐỀ 9	18	69
ĐỀ 10	20	70
20 ĐỀ ÔN CUỐI KÌ I		
ĐỀ 1	22	72
ĐỀ 2	24	73
ĐỀ 3	26	74
ĐỀ 4	28	75
ĐỀ 5	30	76
ĐỀ 6	32	77
ĐỀ 7	34	78
ĐỀ 8	36	79
ĐỀ 9	38	80
ĐỀ 10	40	81
ĐỀ 11	42	82
ĐỀ 12	46	83
ĐỀ 13	48	84
ĐỀ 14	50	85
ĐỀ 15	52	86
ĐỀ 16	54	87
ĐỀ 17	56	88
ĐỀ 18	58	89
ĐỀ 19	60	90
ĐỀ 20	62	83

ĐỀ 1: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và Tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số 147 302 đọc là:

- A. Một trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi.
- B. Một trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm linh hai.
- C. Một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm linh hai.

Câu 2: Trong số 8 763 872 chữ số 6 ở hàng nào? Lớp nào ?

- A. Hàng chục nghìn, lớp nghìn.
- B. Hàng triệu, lớp triệu.
- C. Hàng nghìn, lớp nghìn.

Câu 3: 6 tấn 8 kg=.....kg

- A. 6008kg
- B. 6000kg
- C. 6800 kg

Câu 4: 3 phút 12 giây=.....giây

- A. 172 giây
- B. 182 giây
- C. 192 giây

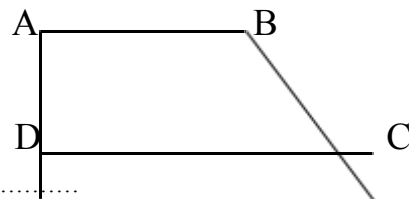
Câu 5: Năm 2017 thuộc thế kỷ nào?

- A. XIX
- B. XX
- C. XXI

Câu 6: Cho tứ giác ABCD như hình vẽ bên:

a. Nêu tên góc tù trong hình vẽ.

b. Chỉ ra cặp cạnh song song trong hình vẽ.



Câu 7: Trung bình cộng của 35, 12, 24, 21, 43 là:

II.TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính và tính

56183 + 2378 43200 – 21308 2750 x 5 4075 : 7

Câu 2: Tìm số tròn trăm x , biết : $560 < x < 850$

Câu 3: Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 82 cm, chiều rộng kém chiều dài 6 cm.
Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài giải

Câu 4: Trung bình cộng của hai số là số nhỏ nhất có ba chữ số, biết số thứ nhất là số lớn nhất có hai chữ số. Tìm số thứ hai.

Bài giải

Câu 5: Hai kho thóc chứa được 350 tấn thóc. Nếu lấy từ kho thứ nhất 65 tấn, kho thứ hai 45 tấn, thì số thóc còn lại ở kho thứ nhất nhiều hơn kho thứ hai 10 tấn. Hỏi mỗi kho chứa bao nhiêu thóc ?

Bài giải

**ĐỀ 2: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4**

Họ và tên:..... Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Bài 1: Đọc số sau: 24 534 142

- A. Hai mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi hai.
B. Hai triệu bốn nghìn năm trăm ba mươi tư nghìn một trăm bốn mươi hai.
C. Hai mươi bốn triệu năm trăm ba mươi tư nghìn một trăm bốn mươi hai.
D. Hai mươi bốn triệu năm trăm ba mươi bốn triệu một trăm bốn mươi hai

Bài 2. Giá trị chữ số 8 trong số 4 8967 là:

- A. 8 B. 80 C. 800 D. 8000

Bài 3. Số lớn nhất trong các số:

- A. 684 257 B. 684 750 C. 684 275 D. 684 725

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

5 tấn 83 kg = kg là:

- A. 583 B. 5830 C. 5083 D. 5038

Bài 5. 2 Thế kỉ và 100 năm là :

- A. 120 năm B. 102 năm C. 200 năm D. 3 thế kỉ.

Bài 6: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Với $a = 15$ thì biểu thức: $256 - 3 \times a$ có giá trị là:

- A. 211 B. 221 C. 231 D. 241

Bài 7. Hai số có tổng bằng hiệu thì một trong hai số sẽ là :

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$845763 + 96858$$

$$23487 \times 7$$

$$607549 - 536857$$

$$182736 : 9$$

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện

a/ $235 + 45678 + 765$

b/ $45678 + 1234 - 678 - 234$

Câu 3. Gia đình bác Hà năm đầu thu hoạch được 60 tạ thóc. Năm thứ hai bác Hà thu hoạch bằng $\frac{1}{2}$ năm đầu, năm thứ ba thu hoạch gấp đôi năm đầu. Hỏi trung bình mỗi năm bác Hà thu hoạch bao nhiêu tạ.

Bài giải

Câu 4. Một hình chữ nhật có nửa chu vi bằng 30cm . Biết chiều dài hơn chiều rộng 12cm. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó?

Bài giải

Câu 5: Tìm số có 3 chữ số biết trung bình cộng các chữ số của số đó là 6 và chữ số hàng trăm gấp 3 lần chữ số hàng đơn vị.

Bài giải

ĐỀ 3: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Giá trị của chữ số 9 trong số 924 335 là bao nhiêu ?

- A. 9 B. 900 C. 90 000 D. 900 000

Câu 2: Số gồm “6 trăm nghìn, 2 nghìn, 5 trăm, 7 đơn vị” được viết là:

- A. 602 507 B. 600 257 C. 602 057 D. 620 507

Câu 3: Năm 2017 thuộc thế kỉ thứ mấy ?

- A. thế kỉ XVIII B. thế kỉ XIX C. thế kỉ XX D. thế kỉ XXI

Câu 4: Một cửa hàng có 3 bao gạo nếp, mỗi bao cân nặng 36kg và 6 bao gạo tẻ, mỗi bao cân nặng 54kg. Như vậy, trung bình mỗi bao gạo cân nặng là

A. 12kg

B. 9kg

C. 21kg

D. 48kg

II/ TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a/ $152\,399 + 24$

b/ $698\,92\,508 - 22$

c/ $429\,3\,089 \times 5$

d/ $43\,263 : 9$

Câu 2: Tính giá trị của biểu thức $326 - (57 \times y)$ với $y = 3$

Câu 3: Viết đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $58 \dots = 580$ tạ

b/ 5 yến $8\text{kg} < 5 \dots 8\text{kg}$

Câu 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$11 + 22 + 33 + 44 + 55 + 66 + 77 + 88 + 99$

Câu 5: Một hình chữ nhật có chu vi là 28m. Nếu chiều dài bớt đi 8m thì sẽ được chiều rộng. Hỏi diện tích của hình chữ nhật đó là bao nhiêu?

Bài giải

Câu 6:

Trong hình bên có:



góc nhọn



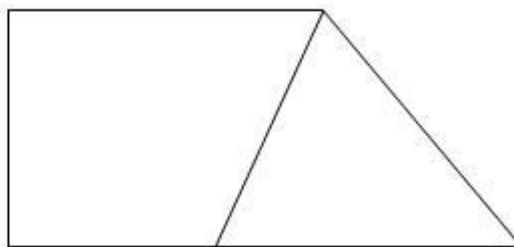
góc vuông



góc tù



góc bẹt



ĐỀ 4: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Dãy số nào là dãy số tự nhiên:

- A. 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10;
B. 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10;
C. 1; 3; 5; 7; 9; 11; 13; 15; 17; 19;
D. 0; 2; 4; 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20;....

Câu 2: $769 \square 89 < 769 102$. Chữ số thích hợp viết vào ô trống là:

- A. 1 B. 0 C. 2 D. 3

Câu 3: 9 thế kỉ =năm. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 9 B. 90 C. 900 D. 9 000

Câu 4: Điền số thích hợp vào chỗ trống 9 tấn 51 kg = kg là:

- A. 951 B. 9 510 C. 5 109 D. 9 051

Câu 5: Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

- A. XX B. XIX C. XXI D. XVIII

Câu 6: Số chẵn liền trước số 3 405 760 là:

- A. 3 405 761 B. 3 405 759 C. 3 405 758 D. 3 405 762

II/ TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính.

a/ $805\,763 + 90\,558 + 3025$

b/ $702\,549 - 536\,857$

.....
.....

Câu 2: Cho biết $a = 15$, $b = 5$, $c = 6$, tính giá trị của biểu thức $(3 \times a + b) \times c$.

.....
.....

Câu 3: Tổng của hai số là số lớn nhất có hai chữ số, hiệu của hai số là số lớn nhất có một chữ số. Tìm hai số đó?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Câu 4: Trung bình cộng của 3 số là 369. Biết trong 3 số đó có một số có 3 chữ số, một số có hai chữ số, một số có một chữ số. Tìm ba số đó.

Bài giải

.....
.....
.....

Câu 5. Tổng số tuổi của hai ông cháu hiện nay là 78, cách đây 6 năm ông hơn cháu 60 tuổi. Hỏi hiện nay mỗi người bao nhiêu tuổi?

Bài giải

**ĐỀ 5: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4**

Họ và tên:..... Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Chữ số 5 trong số 324 858 301 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng chục nghìn, lớp nghìn. B. Hàng nghìn, lớp nghìn.
C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn. D. Hàng chục, lớp nghìn.

Câu 2: Trong số 124 658 731, chữ số 7 có giá trị bao nhiêu?

- A. 7 B. 70 C. 700 D. 7000

Câu 3: Trung bình cộng hai số là 1000, biết số thứ nhất hơn số thứ hai là 640. Vậy hai số đó là:

- A. 1230 và 689 B. 1320 và 680 C. 1310 và 689 D. 1322 và 689

Câu 4: Chu vi của một thửa ruộng hình chữ nhật là 40 m, chiều dài hơn chiều rộng 4 m. Chiều rộng thửa ruộng dài là.....m.

II/ TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$$516453 + 82398$$

$$463750 + 254081$$

$$789651 - 176012$$

$$462309 - 30554$$

Câu 2: Điền số thích hợp vào chấm:

4 yến 30 kg =kg

3 km 15 m =m

5 thế kỉ = năm

4 giờ 36 phút = phút

Câu 3: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm.

>
<
=

769893..... 678909 + 201

700 00069 999 + 1

? 857 432 – 431.....856 000

493 701 654 702 +3

Câu 4: Một người sinh vào năm 76 của thế kỉ XIX và mất vào năm 37 của thế kỉ XX. Hỏi người đó sống được bao nhiêu năm?

Bài giải

Câu 5. An và Nguyên có tổng cộng 120 viên bi. Nếu An cho Nguyên 20 viên bi thì Nguyên có nhiều hơn An 16 viên bi. Hỏi An đã mua số bi của mình hết bao nhiêu tiền, biết rằng mua 3 viên bi hết 1000 đồng.

Bài giải

ĐỀ 6: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số 45 317 đọc là:

- A. Bốn mươi năm nghìn ba trăm mười bảy
- B. Bốn lăm nghìn ba trăm mười bảy
- C. Bốn mươi lăm nghìn ba trăm mười bảy

Câu 2: Số: Hai mươi ba triệu chín trăm mười; được viết là:

- A. 23 910
- B. 23 000 910
- C. 23 0910 000

Câu 3: Tổng hai số là 45 và hiệu hai số đó là 9 thì số lớn là:

- A. 34
- B. 54
- C. 27
- D. 36

Câu 4: 6 tạ + 2 tạ 8kg = ...kg

A. 88

B. 808

C. 880

D. 8080

Câu 5: Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long vào năm 1010, năm đó thuộc thế kỉ mấy?

A. Thế kỉ IX

B. Thế kỉ X

C. Thế kỉ XI

D. Thế kỉ XII

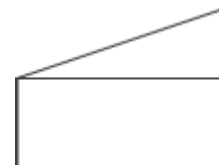
Câu 6: Hình bên có

A. Một góc bẹt, một góc tù, năm góc vuông và một góc nhọn

B. Một góc bẹt, một góc tù, bốn góc vuông và hai góc nhọn

C. Một góc bẹt, năm góc vuông và hai góc nhọn

D. Một góc bẹt, một góc tù, năm góc vuông và hai góc nhọn



II/ TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a) $137\,052 + 28\,456$

b/ $596\,178 - 344\,695$

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 2. Một mảnh đất hình vuông có cạnh là 108 m. Tính chu vi của mảnh đất đó

Bài giải

.....

.....

.....

Câu 3. Sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 26 mét. Chiều rộng kém chiều dài 8 mét. Tính diện tích của sân trường hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Trung bình cộng của hai số tự nhiên là 123, biết số bé bằng 24. Tìm số lớn.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Tìm hai số lẻ có tổng 548 và giữa chúng có 6 số lẻ khác.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 7: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Bài 1: Giá trị của chữ số 5 trong số 40 534 142 là:

- A. 500 000 B. 50 000 C. 5 000 000 D. 5 000

Bài 2. Số gồm 6 triệu, 7 trăm nghìn, 8 chục nghìn, 9 trăm, 2 đơn vị là:

- A. 678 902 B. 68 092 C. 678 092 D. 6 780 902

Bài 3. Tìm số tự nhiên x, biết: $2 < x < 5$

- A. 3; 4 B. 3; 5 C. 4; 5 D. 2; 3

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm là:

520 tấn : 8 = tấn

- A. 65 tấn B. 65 C. 56 D. 56 tấn

Bài 5.

3 thế kỉ = năm là:

- A. 300 B. 70 C. 310 D. 130

Bài 6: Với $a = 25$ thì biểu thức: $256 - 2 \times a$ có giá trị là:

- A. 211 B. 236 C. 254 D. 206

II/ TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính

a/ 201 562 + 75 256

b/ 705 258 – 599 512

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a/ 5 345 + 142 + 4 655

b/ 123 + 4 567 + 277 + 3 433

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 3: Một xe ô tô giờ thứ nhất đi được 50km, giờ thứ hai đi được nhiều hơn giờ thứ nhất 10km, giờ thứ ba đi được gấp đôi giờ thứ nhất. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô đó đi được bao nhiêu km?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 4: An và Bình có 64 viên bi, nếu Bình có thêm 12 viên bi thì Bình kém An 8 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Bài giải

Câu 5. Tìm 7 số lẻ liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng bằng số lẻ lớn nhất có 2 chữ số.

Bài giải

ĐỀ 8: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 128; 276; 762; 549 B. 276; 549; 762; 128 C. 128; 276; 549; 762

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

7 ; 14 ; 21 ; ; ; ; ;

Câu 3. Cho $1/4$ giờ = phút. Số thích hợp vào chỗ chấm là:

A. 10 phút B. 15 phút C. 20 phút

Câu 4. Cho $2\text{m } 7\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 27cm; B. 207cm; C. 270cm.

Câu 5. Mai và Minh có 48 quả cam, Mai có nhiều hơn Minh 6 quả cam. Hỏi Minh có mấy quả cam?

A. 21 quả B. 17 quả C. 27 quả

Câu 6. Nếu $x = 23$ thì $345\,789 + 1955 : x$ bằng:

A. 345\,874 B. 234\,748 C. 345\,478 D. 234\,678

PHẦN II: TỰ LUẬN:

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$589 + 407$ $735 - 208$ 67×5 $96 : 4$

Câu 2. Tìm X biết :

$X : 4 = 58$ $7 \times X = 63$

Câu 3. Tính:

$37 \times 5 - 18$ $42 : 6 + 84$

Câu 4. Hai chị em hái được 55 quả cam, em hái được ít hơn chị 5 quả. Hỏi mỗi người hái được bao nhiêu quả cam?

Bài giải

.....
.....
.....
Câu 5. Trung bình cộng của hai số là số bé nhất có hai chữ số, hiệu hai số là 8. Tìm hai số đó?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 9: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Trong các số dưới đây chữ số 7 trong số nào có giá trị là 7000:

- A. 71 608 B. 57 312 C. 570 064 D. 56 738

Câu 2: Cách đọc: "Ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm linh tám". Đúng với số nào?

- A. 35 462 008 B. 35 460 208 C. 35 462 208 D. 35 462 280

Câu 3: Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 128; 276; 762; 549 B. 276; 549; 762; 128
C. 128; 276; 549; 762 D. 762; 549; 276; 128

Câu 4: Số lớn nhất trong các số 79 217; 79 257; 79 381; 79 831.

- A. 79 217 B. 79 257 C. 79 381 D. 79 831

Câu 5: $\frac{1}{4}$ giờ = phút. Số thích hợp vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 15 C. 20 D. 25

Câu 6: Cho 2m 7cm = cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 27 B. 207 C. 207 cm D. 270cm

Câu 7: 3 tấn 72 kg =kg.

- A. 372 B. 3072 C. 3027 D. 3070

Câu 8: Một hình chữ nhật có chiều rộng 6cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Diện tích hình chữ nhật đó là:

- A. 720 cm^2 B. 36 cm^2 C. 144 cm^2 D. 72 cm^2

Câu 9: Tổng của hai số là 58, hiệu của hai số là 36. Số lớn và số bé lần lượt là:

- A. 47 và 11 B. 22 và 11 C. 11 và 47 D. 47 và 94

Câu 10: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 7; 14 ; 21 ; ; ; ;

II/TỰ LUẬN:

Câu 1. Đặt tính rồi tính: a, $465218 + 342905$ b, $839084 - 46937$

.....
.....
.....

Câu 2. Một ô tô giờ thứ nhất chạy được 40 km, giờ thứ hai chạy được 48 km, giờ thứ ba chạy được 53 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô đó chạy được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Câu 3. Tìm hai số chẵn biết tổng của chúng bằng 292 và giữa chúng có tất cả 7 số chẵn khác.

Bài giải

Câu 4. TBC của 5 số bằng 96. Hãy tìm số thứ năm, biết số này đúng bằng TBC của 4 số kia?

Bài giải

Câu 5. Ba kho A ; B và C chứa tất cả 475 tấn thóc, biết số thóc ở kho A nhiều hơn số thóc ở kho B là 20 tấn nhưng lại ít hơn tổng số thóc ở kho B và C là 105 tấn. Hỏi mỗi kho chứa bao nhiêu tấn thóc

Bài giải

**ĐỀ 10: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4**

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Chữ số hàng chục nghìn của số 905 432 là:

A. 9 B. 0 C. 5 D. 4

Câu 2: Tìm số tự nhiên x , biết: $2 < x < 5$. Vậy x là:

A. 1; 2 B. 2; 3 C. 3; 4 D. 4; 5.

Câu 3: Tìm số trung bình cộng của 42 và 52 là:

A. 47 B. 57. C. 27 D. 36

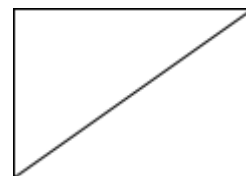
Câu 4: Trong các số 42756; 42567; 42765; 42675 số nào lớn nhất là:

A. 42756 B. 42765 C. 42657 D. 42567

Câu 5: 2 tấn 5 yến = kg

A. 250 B. 2500 C. 2050 D. 2000

Câu 6: Trong các hình dưới, hình nào có hai góc vuông?



A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình A và hình B

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính . a. $37\,072 + 21\,436$ b. $37656 - 12037$

Bài 2: Hai thùng chứa được tất cả là 600l nước. Thùng bé chứa được ít hơn thùng to 120l nước. Hỏi mỗi thùng chứa bao nhiêu lít nước?

Bài giải

Bài 3 : Tìm số trung bình cộng của dãy số sau: 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; ; 2003.

Bài 4. Thùng dầu thứ nhất có 23 lít dầu, thùng dầu thứ hai có 38 lít dầu, thùng dầu thứ 3 chứa số lít dầu bằng số TBC của hai thùng kia, còn thùng dầu thứ tư chứa số lít dầu ít hơn số TBC của cả 4 thùng dầu là 9 lít. Hỏi thùng dầu thứ tư chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

Bài 5. Hai thùng dầu có tổng cộng 82 lít dầu. Nếu rót 7 lít dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì hai thùng chứa lượng dầu bằng nhau. Hỏi mỗi thùng chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I ĐỀ 1

Họ và tên:..... Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số năm mươi hai nghìn tám trăm linh bảy viết là:

A. 52087 B. 52078 C. 52807 D. 52708

Câu 2. Giá trị của chữ số 6 trong số 235467 là:

A. 6 B. 60 C. 600 D. 6000

Câu 3. 5 tấn 73kg =kg. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 5037 B. 573 C. 5730 D. 5073

Câu 4. $3m^2 \ 70dm^2 = \dots dm^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 3070 B. 370 C. 3007 D. 307

Câu 5. Mẹ và con hái được tất cả là 180 quả cam, biết rằng số quả cam của mẹ hái nhiều hơn số quả cam của con hái là 42 quả. Mẹ hái được số quả cam là :

A. 138 quả B. 222 quả C. 111 quả D. 153 quả

Câu 6. Chu vi của hình vuông là 16m thì diện tích sẽ là:

A. 16m B. $16m^2$ C. 32 m D. 12m

Câu 7. Năm 2016 là thế kỉ thứ bao nhiêu?

A. XIX B. XX C. XVIII D. XXI

Câu 8. Xếp các số sau: 2274 ; 1780; 2375 ; 1782 theo thứ tự từ bé đến lớn:

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$386259 + 260837$$

$$304564 - 199879$$

$$417 \times 23$$

$$2145 : 33$$

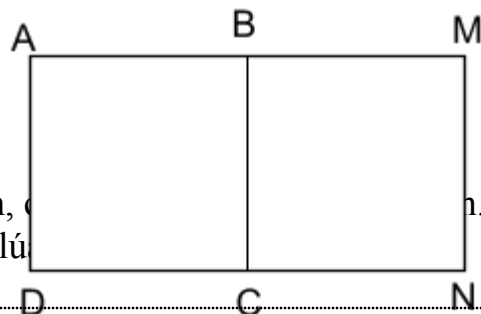
Câu 2. Cho hình vẽ bên, biết ABCD và BMNC là các hình vuông cạnh 8 cm. Viết tiếp vào chỗ chấm:

- Đoạn thẳng AD song song với các

đoạn thẳng :

- Viết phép tính, tính diện tích hình chữ nhật

AMND ?



Câu 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 140 m, diện tích $100m^2$ người ta thu hoạch được 50 kg lúa. Tính số lúa thu được trên $1m^2$ đất.

Bài giải

Câu 4. Tìm số bị chia nhỏ nhất trong phép chia có thương là 12 và số dư là 19.

Bài giải

ĐỀ 2

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Trong các số sau, số nào lớn nhất:

- A. 85316 B. 81536 C. 83651 D. 86315

Câu 2. Trong số 9 352 471: chữ số 3 thuộc hàng nào? Lớp nào?

- A. Hàng trăm, lớp đơn vị B. Hàng nghìn, lớp nghìn
C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn D. Hàng trăm nghìn, lớp trăm nghìn

Câu 3. Các số dưới đây số nào chia hết cho 2 ?

- A. 659 450 B. 904 115 C. 709 63 D. 559 681

Câu 4. Trung bình cộng của: 12cm, 13cm, 16cm, 27cm là:

- A. 17 B. 17cm C. 68cm D. 68

Câu 5. 4 ngày 7 giờ =giờ. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 47 B. 11 C. 113 D. 247

Câu 6. Hình bên có:

- A. Bốn góc nhọn, hai góc tù và hai góc vuông
B. Bốn góc nhọn, hai góc tù và hai góc vuông
C. Bốn góc nhọn, hai góc tù và hai góc vuông

Câu 7. Viết số tự nhiên nhỏ nhất có 3 chữ số chia hết cho 2,3,5,9

- A. 450 B. 900 C. 180 D. 980



Câu 8. Trung bình cộng của hai số là 27. Số bé là 19 thì số lớn là:

A. 54

B. 35

C. 46

D. 23

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. Tính giá trị của biểu thức sau:

a. $726\,485 - 345 \times 32$

b. $86425 + 308 \times 563$

c. $1275 : 25 \times 45$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 2. Tìm x :

a. $x \times 42 = 15\,792$

b. $x : 255 = 203$

.....
.....

Câu 3. Tổng số tuổi của mẹ và con là 57 tuổi. Mẹ hơn con 33 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Cho các chữ số 0,3,5,7. Từ các chữ số đã cho, hãy viết số lớn nhất chia hết cho 2, 3 và 5, các chữ số đều khác nhau.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Hãy nêu tên các góc có trong hình vẽ sau:

.....

.....

.....

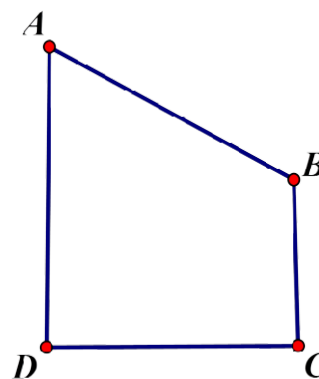
.....

.....

.....

.....

.....



ĐỀ 3: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số gồm sáu mươi triệu, sáu mươi nghìn, sáu mươi đơn vị được viết là:

- A. 606 060 B. 6 060 060 C. 6 006 060 D. 60 060 060

Câu 2. Giá trị của biểu thức: $3\,400 : 25 + 171 \times 32$ là:

- A. 9 824 B. 5 608 C. 16 232 D. 369

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1: Tính nhẩm.

a/ $62 \times 100 =$ b/ $689 \times 1\,000$

$=$

c/ $9\,300 : 100 =$ d/ $407\,000 : 1000 =$

Câu 2: Viết 1 chữ số thích hợp vào chỗ chấm sao cho:

a/ 67.... chia hết cho 5

b/ 5...2 chia hết cho 3

c/ 7.... 3 chia hết cho 9

d/ 58.... chia hết cho 2

Câu 3. Đặt tính rồi tính.

a. $4\,567 + 891$

b. $7\,824 - 790$

.....

.....

c. 674×305

d. $96\,123 : 125$

.....

.....

Câu 4. Viết kết quả thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $34\text{m}^2\,70\text{dm}^2 =$ dm^2

b/ 7 giờ 25 phút = phút

c/ 4 tạ 4 kg = kg

d/ 6 tấn 34 tạ = tạ

Câu 5. Bền b'n: CÇn, KiÖm, Liãm, ChÝnh gộp tiÒn chung nhau mua cÇu l«ng vù vît cÇu l«ng. CÇn gộp 8000 ®ång, KiÖm gộp 9000 ®ång, Liãm gộp kĐm mÛc trung b×nh cña hai b'n tríc lù 400 ®ång. ChÝnh gộp kĐm mÛc trung b×nh cña c¶ 4 ngêi lù 1100 ®ång. Hái:

a. MÛc gộp trung b×nh cña 4 b'n lù bao nhiâu?

b. Liãm vù ChÝnh mçi b'n gộp bao nhiâu tiÒn?

Bài giải

.....

Câu 6. Tính giá trị của biểu thức sau: $a \times 567 + b$. Với a là số lớn nhất có hai chữ số và b là số bé nhất có ba chữ số?

Bài giải

.....

Số lớn nhất có hai chữ số là 99 nên $a = 99$

Số bé nhất có ba chữ số là 100 nên $b = 100$

Theo bài ra ta có: $a \times 567 + b = 99 \times 567 + 100 = 56\,133 + 100 = 56\,233$

ĐỀ 4: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: TOÁN 4

Họ và tên: Lớp:

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số 42 570 300 được đọc là:

- A. Bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy mươi nghìn ba trăm.
- B. Bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm.
- C. Bốn hai triệu năm bảy nghìn ba trăm.
- D. Bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm.

Câu 2. Trong số 9 852 471: chữ số 8 thuộc hàng nào? Lớp nào?

- A. Hàng trăm, lớp đơn vị
- B. Hàng nghìn, lớp nghìn
- C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn
- D. Hàng trăm nghìn, lớp trăm

Câu 3. 4 ngày 7 giờ =giờ

- A. 47
- B. 11
- C. 103
- D. 247

Câu 4. Trung bình cộng của: 12cm, 13cm, 16cm, 27cm là:

- A. 17
- B. 17cm
- C. 68cm
- D. 68

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $3\text{ m}^2 125\text{ dm}^2 = \dots\text{dm}^2$

- A. 4 125
- B. 405
- C. 425
- D. 30 125

Câu 6. Tính giá trị của biểu thức sau : $a - b$. Với a là số lớn nhất có năm chữ số và b là số bé nhất có năm chữ số?

- A. 99 998
- B. 99 989
- C. 89 999
- D. 80 000

II/ TỰ LUẬN

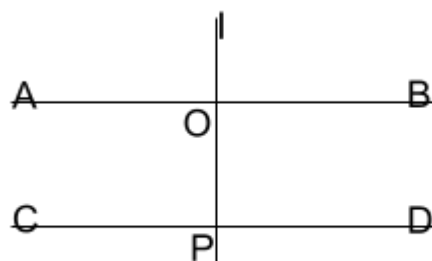
Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a. $726\,485 - 52\,936$
- b. $9876402 + 1285694$
- c. 1334×376
- d. $12\,288 : 351$

a. 673549 b. 1285694 c. 501584 d. 35 (dư 3)

Câu 2. Viết tiếp vào chỗ chấm :

- a. Đường thẳng IK vuông góc với đường thẳng



và đường thẳng.....

b. Đường thẳng AB song song với đường thẳng

Câu 3. Cho 3 chữ số 2; 3; 5. Từ ba chữ số đã cho, hãy viết tất cả các số có 3 chữ số khác nhau

a) Chia hết cho 2:

b) Chia hết cho 5:

Câu 4. Tìm x:

$$42 \times x = 15\,792$$

$$b) x : 255 = 203$$

$$x = 376$$

$$x = 51765$$

Câu 5. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 160m, chiều rộng kém chiều dài 42 m. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó?

Bài giải

Câu 6. Tính nhanh:

$$12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24$$

Bài giải

$$\begin{aligned} & 12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24 \\ &= 12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 \times 1 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24 \\ &= 12345 \times (17 + 23 + 1 + 35 + 24) \\ &= 12345 \times 100 \\ &= 1234500 \end{aligned}$$

ĐỀ 5: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Trong số **9 352 471**: chữ số 3 thuộc hàng nào? Lớp nào?

A. Hàng trăm, lớp đơn vị

B. Hàng nghìn, lớp nghìn

C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn

D. Hàng trăm nghìn, lớp trăm nghìn

Câu 2. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

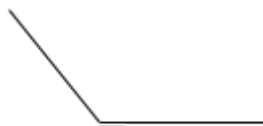
A. 20

B. 18

C. 19

D. 17

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.



A ☐ Góc đỉnh **A** là góc nhọn.
☐ Góc đỉnh **B** là góc nhọn

☐ Góc đỉnh **C** là góc nhọn.
☐ Góc đỉnh **C** là góc tù.
☐ Góc đỉnh **B** là góc tù.

Câu 4: Nối phép tính với kết quả đúng.

3 960 :
36

101
110
111
102

II/ TỰ LUẬN

Câu 1.

- Số 17 503 467 đọc là:

Câu 2. Cho các số 36; 42 và 57.

- Trung bình cộng của 36; 42 và 57 là.....

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

5 tấn 8 kg = kg 7 dm² 45 cm² =cm²

Câu 4. Tìm chữ số thích hợp để điền vào ô trống, sao cho:

56 chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9

Câu 5. Tìm x.

a/ $x + 2\,581 = 4\,621$

b/ $x - 935 = 532$

c/ Tìm số tròn chục x, biết $47 < x < 82$

Số tròn trăm lớn hơn 47 và nhỏ hơn 82 là các số 50, 60, 70, 80.

Vậy x là các số : 50, 60, 70, 80.

Câu 6. Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 160m, chiều rộng kém chiều dài 52 m. Tính chiều rộng, chiều dài mảnh đất hình chữ nhật đó?

Bài giải

Câu 7: Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$$43 \times 95 + 4 \times 43 + 43$$

$$25 \times 8 \times 50 \times 125 \times 4 \times 2$$

$$\begin{aligned} 25 \times 8 \times 50 \times 125 \times 4 \times 2 &= (25 \times 4) \times (50 \times 2) \times (125 \times 8) \\ &= 100 \times 100 \times 1000 \\ &= 10000000 \end{aligned}$$

ĐỀ 6: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số 85 201 890 được đọc là:

- A. Tám trăm năm mươi hai triệu không trăm mười tám nghìn chín mươi
- B. Tám mươi lăm triệu hai trăm linh một nghìn tám trăm chín mươi
- C. Tám triệu năm trăm hai không một nghìn tám trăm chín mươi
- D. Tám nghìn năm trăm hai mươi triệu một nghìn tám trăm chín mươi

Câu 2. Giá trị của chữ số 2 trong số 7 642 874 là:

- A. 20 000
- B. 200
- C. 200 000
- D. 2 000

Câu 3. 1 tấn 5 kg =kg. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 1 000
- B. 1 500
- C. 1 050
- D. 1 005

Câu 4. $5\text{m}^2\ 30\text{dm}^2 = \text{.....dm}^2$

- A. 503
- B. 5 003
- C. 530
- D. 5 030

Câu 5. Kết quả của phép tính 54×1000 là:

A. 5 400

B. 54 000

C. 540 000

Câu 6. Kết quả của phép tính $876000 : 100$ là:

A. 8 760

B. 87 600

C. 876 000

Câu 7. Nối với số thích hợp.

Số chia hết cho 2

324
3 975
2 000
456

Số chia hết cho 3
nhưng không chia
hết cho 9

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a. 213×48

$572863 + 280192$

b. $12847 : 23$

$728035 - 49823$

.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

a. **10224**

b. **337455**

c. **558 (dư 13)**

d. **678218**

Câu 2. Một trường Tiểu học có 360 học sinh, số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ là 18 em. Hỏi trường Tiểu học đã có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a. $490 \times 365 - 390 \times 365 =$

b. $25 \times 35 \times 4 \times 6 =$

.....	
.....	
.....	
.....	

Câu 4.

Tên 10 sẽ lần tiếp, biết trung bình cộng của chúng là 47

.....

ĐỀ 7: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Giá trị của số 3 trong số 543 679 là:

- A. 30 000 B. 3 000 C. 300 D. 30

Câu 2. Trung bình cộng của 540; 660 và 222 là:

- A. 1392 B. 2784 C. 696 D. 474

Câu 3. $5\text{m}^2\ 30\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 503 B. 5 003 C. 530 D. 5 030

Câu 4. Trong các số 897, 1205, 3600, 4246 số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 là:

- A. 897 B. 1 205 C. 3 600 D. 4 246

Câu 5. Số tự nhiên x lớn nhất để: $238 \times x < 1193$ là:

- A. $x = 4$ B. $x = 5$ C. $x = 6$ D. $x = 7$

Câu 6: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

A. $322 : 14 = 23$

B. Góc bẹt bé hơn góc tù

C. Năm 2000 thuộc thế kỉ XX

Câu 7: Nối vào hai biểu thức có giá trị bằng nhau:

$4 \times 2\ 145$
$3\ 968 \times 6$
$10\ 287 \times 5$

$(3 + 2) \times 10\ 287$
$(2\ 100 + 45) \times 4$
$(4 + 2) \times (3\ 000 + 968)$

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a, $35\,789 - 9\,799$

b, $5\,787 : 54$

c, 207×116

Câu 2. Hai phân xưởng làm được 1 500 sản phẩm. Phân xưởng thứ nhất làm nhiều hơn phân xưởng thứ hai 378 sản phẩm. Hỏi mỗi phân xưởng làm được bao nhiêu sản phẩm?

Bài giải

Câu 3. An và Bình có 64 viên bi, nếu Bình có thêm 12 viên bi thì Bình kém An 8 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Bài giải

Câu 4. An mua một số vở, giá mỗi quyển giá 5 nghìn đồng. An đưa cô bán hàng tờ 200 nghìn đồng cô bán hàng trả lại An 97 nghìn đồng. Thấy vậy An nói “cô ơi cô tính nhầm tiền rồi”. Em hãy giải thích xem tại sao An có thể khẳng định ngay như thế.

Bài giải

Câu 5. Một bạn nhân một số với 12. Vì đặt các tích riêng thẳng cột nên được tích sai là 60. Tìm tích đúng.

Bài giải

Số đó là : $60 : (1 + 2) = 20$

Tích đúng là: $20 \times 12 = 240$

ĐỀ 8: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số gồm 3 triệu, 5 trăm nghìn, 2 chục viết là:

A. 3 500 200 B. 3 500 020 C. 350 020 D. 352

Câu 2. Tổng và hiệu của hai số đều bằng 2016. Vậy số lớn là:

A. 1 008 B. 4 032 C. 0 D. 2 016

Câu 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Giá trị của biểu thức $(9 \times 15) : 3$ bằng giá trị của biểu thức nào sau đây?

A. $(9 : 3) \times 15$ B. $(9 : 3) \times (15 : 3)$ C. $(15 \times 3) : 9$ D. $9 : 3 + 15 : 3$

Câu 4. Thương của phép chia $67\,200 : 80$ lấy sẽ cả mấy chục ?

Thương của phép chia $67\,200 : 80$ lấy sẽ cả chục.

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a/ $72\,356 + 9\,345$ b/ $37\,821 - 19\,456$ c/ $4\,358 \times 108$ d/ $2\,580 : 15$

.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

Câu 2. Viết vào chỗ chấm

Trung bình cộng của 5 số lẻ liên tiếp là 75. Tìm số lớn nhất trong các số đó.

Số lớn nhất trong các số đó là

Câu 3. Viết kết quả thích hợp vào chỗ chấm

$5\text{m}^2\,50\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ 2 giờ 15 phút =phút

$2\text{t}\,2\text{kg} = \dots\dots\dots\text{kg}$ 2 tấn 12 t¹ = t¹

Câu 4: Ghi kết quả vào chỗ chấm của mỗi phép tính sau:

a/ $32 \times 100 = \dots\dots\dots$ b/ $657 \times 1\,000 = \dots\dots\dots$

c/ $9\,000 : 10 = \dots\dots\dots$ d/ $203\,000 : 1\,000 = \dots\dots\dots$

Câu 5. Chọn c, c côm tỏ cho trong ngoặc đơn rồi vào chỗ chấm trong các câu sau cho thích

híp (lín h⁻n, bĐ h⁻n, b»ng hai).

- Gác nhãn gác vu«ng.

- Gãy tỉ gãy vu«ng.
- Gãy bÑt gãy vu«ng.
- Gãy tỉ gãy bÑt

Câu 6. Hiện nay, tổng số tuổi của hai chị em là 24 tuổi. Hai năm trước, chị hơn em 4 tuổi. Tính tuổi mỗi người hiện nay.

Bài giải

Câu 7. Số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau, chữ số hàng trăm là chữ số 5 mà số đó vừa chia hết cho 2 và vừa chia hết cho 5. Số đó là:

- A. 9 580 B. 9 508 C. 9 805 D. 9 850

Câu 7. D

**ON TẬP CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4**

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số năm mươi hai nghìn tám trăm linh bảy viết là:

- A. 52 087 B. 52 078 C. 52 807 D. 52 708

Câu 2. Giá trị của chữ số 6 trong số 235 467 là:

- A. 6 B. 60 C. 600 D. 6 000

Câu 3. 5 tấn 73kg =kg. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 5 037 B. 573 C. 5 730 D. 5 073

Câu 4. $3m^2\ 70dm^2 =dm^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 3 070 B. 370 C. 3 007 D. 307

Câu 5. Kết quả của phép trừ $867\ 569 - 98\ 432$ là:

- A. 769 137 B. 769 317 C. 137 769 D. 769 237

Câu 6. Mẹ và con hái được tất cả là 180 quả cam, biết rằng số quả cam của mẹ hái nhiều hơn số quả cam của con hái là 42 quả. Mẹ hái được số quả cam là :

- A. 138 quả B. 222 quả C. 111 quả D. 153 quả

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a/ $386259 + 260837$

b/ $567245 - 378999$
 $= 188246$

c/ 417×23

d/ $2145 : 33$

.....		
.....		
.....		
.....		

Câu 2.

Một cửa hàng có 5 rổ đựng cam hoặc chanh. Số quả lần lượt là: 104; 115; 132; 136 và 148. Sau khi bán được một rổ cam, người bán thấy: số chanh còn lại gấp 4 số cam. Hỏi lúc đầu cửa hàng đó có bao nhiêu quả mỗi loại ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 200 m, chiều rộng kém chiều dài 40m. Cứ $100m^2$ người ta thu hoạch được 50 kg lúa. Tính số lúa thu hoạch từ mảnh đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4.

Trung bình cộng của 5 số bằng 96. Hai số khác sẽ cho năm, biết số đó bằng trung bình cộng của 4 số kia.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số nào trong các số dưới đây có chữ số 8 biểu thị cho 80 000?

- A. 38 500 B. 27 800 C. 52 008 D. 80 100

Câu 2. 10 năm $\square \frac{1}{5}$ thế kỷ. Dấu cần điền vào ô trống là :

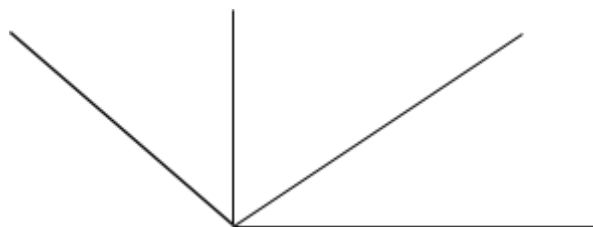
- A. > B. = C. < D. không có dấu nào thích hợp

Câu 3. Với $n = 35$ thì giá trị của biểu thức $8750 : n$ là :

- A. 25 B. 250 C. 1250 D. 2500

Câu 4. Trong hình vẽ có các loại góc nào?

- A. góc vuông, góc bẹt, góc nhọn
B. góc vuông, góc bẹt, góc nhọn
C. góc nhọn, góc vuông, góc tù
D. góc nhọn, góc bẹt, góc tù



Câu 5. Trong một tháng có ngày đầu tháng và cuối tháng đều là ngày thứ sáu. Hỏi đó là tháng mấy ?

- A. tháng một B. tháng hai C. tháng mười một D. tháng mười hai

Câu 6. Dãy số sau có bao nhiêu số hạng ? **1, 2, 3, 4, , 995**

- A. 1 số hạng B. 5 số hạng C. 95 số hạng D. 995 số hạng

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a/ $3\ 214 + 2\ 611 + 535$ b/ $786345 - 218976$ c/ 248×123 d/ $9845 : 23$

b. Trừ 567369 d. chia 428 (dư 1)

Câu 2. Tìm X. a/ $X \times 500 = 40000$ b/ $7\ 828 + X = 10000$

Câu 3. Chuyển các tổng sau thành tích.

a/ $21 + 21 + 21 + 21 + 21 =$

b/ $15 + 15 + \dots + 15 =$

có 9 số hạng

Câu 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 533m, chiều dài hơn chiều rộng 127m. Tính diện tích thửa ruộng đó.

Câu 5. Tổng kết năm học 2001- 2002 một trường tiểu học có 462 học sinh tiên tiến và 195 học sinh xuất sắc. Nhà trường dự định thưởng cho học sinh xuất sắc nhiều hơn học sinh tiên tiến 2 quyển vở 1 em. Cô văn thư tính phải mua 1996 quyển thì vừa đủ phát thưởng. Hỏi cô văn thư tính đúng hay sai ? vì sao?

Câu 6. Mét lÇn, t«i, Hĩng, Dòng ®i cÇu. Dòng cau ®íc 15 con c,, Hĩng cÇu ®íc 11 con c,. Cßn t«i cÇu ®íc sè c, ®óng b»ng trung bình cộng sè c, của 3 chóng t«i. §ã b'n biÕt t«i cÇu ®íc mÊy con c,?

ĐỀ 11: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số gồm năm mươi triệu, năm mươi nghìn, năm mươi đơn vị được viết là:

- A. 505 050 B. 5 050 050 C. 5 005 050 D. 50 050 050

Câu 2. Giá trị của biểu thức: $2010 : 15 + 131 \times 52$ là:

- A. 272 B. 6 946 C. 15 232 D. 359

II/ TỰ LUẬN

Câu 1: Tính nhẩm

a/ $32 \times 100 =$

b/ $657 \times 1\,000 =$

c/ $8\,100 : 100 =$

d/ $203\,000 : 1\,000 =$

Câu 2: Viết 1 chữ số thích hợp vào chỗ chấm sao cho:

83.... chia hết cho 5

2...4 chia hết cho 3

8.... 5 chia hết cho 9

47.... chia hết cho 2

Câu 3: Đặt tính rồi tính.

a. $3\,218 + 967$

b. $3\,792 - 948$

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

c. 475×205

d. $81\,350 : 187$

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 4. Viết kết quả thích hợp vào chỗ chấm.

$35\text{m}^2\,50\text{dm}^2 =$ dm^2

3 giờ 15 phút = phút

2 tạ 2 kg = kg

1 tấn 12 tạ = tạ

Câu 5. Đúng ghi Đ, Sai ghi S vào ô trống:

Trong hình chữ nhật ABDC có:

☐ AB vuông góc với CD

☐ AB vuông góc với DB

☐ AB song song với AC

☐ AC song song với BD



Câu 6: Nối trung bình cộng của mỗi dãy sau với kết quả tương ứng.

42 và 62
42 ; 62 và 55

55
54

52 ; 74 ; 83 ; và 91
42 ; 62 ; 73 ; 94 và
79

53
52

Câu 7: Hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi phút chảy được 35 lít nước. Vòi thứ hai mỗi phút chảy được 25 lít nước. Hỏi sau 2 giờ cả hai vòi chảy vào bể được bao nhiêu lít nước ?

Bài giải

Câu 8: Tìm số bị chia và số chia bé nhất để phép chia đó có thương là 123 và số dư là 44.

Số dư là 44 nên số chia bé nhất là 45
Số bị chia bé nhất là: $123 \times 45 + 44 =$

ĐỀ 12: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I **MÔN: TOÁN 4**

Họ và tên: Lớp:

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Kết quả của phép nhân 2458×36 là:

- A. 22122 B. 87488 C. 88488 D. 78488

Câu 2. Phép chia $36558 : 27$ có kết quả là:

- A. 1354 B. 1345 C. 13504 D. 13054

Câu 3. Số thích hợp viết vào chỗ chấm ở 2 tên $65\text{kg} = \dots\dots\text{kg}$ là:

- A. 265 B. 2065 C. 2056 D. 20065

Câu 4. Tổng của hai số là 3976. Số nhỏ nhất hơn số nhỏ hai 40 đơn vị. Hai số là:

- A. 2007 và 1969 B. 2006 và 1970 C. 2008 và 1968 D. 2009 và 1967

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1: Đặt tính rồi tính

- a) $521897 + 59656$ b) $941465 - 268957$ c) 307×159 d) $8008 : 22$

Câu 2. $T \times m \times$

a. $246 : X + 34 : X = 5$

b. $360 : X - 126 : X = 6$

Câu 3. Phấn xăng A lụm 800 h-n ph-n xăng B lụ 475 s-n ph-n. N-ou ph-n xăng B lụm th-1m 125 s-n ph-n th-1 c-1 2 ph-n xăng lụm 800 s-n ph-n. H-1 m-1 ph-n xăng 800 lụm 800 bao nhi-1u s-n ph-n?

Bài giải

Câu 4. Khi nh-1n m-1t s-1 v-1 43 , m-1t h-1c sinh 800 v-1-1 nh-1m c, c t-1nh ri-1ng th-1/4ng c-1t n-1n 800 k-1-1t qu-1 sai lụ 10724 . T-1m t-1ch 800 c-1a ph-1p nh-1n 800 .

Câu 5. M-1c trung b-1nh l-1ng c-1a b-1 v-1 m-1n lụ 600 000 800 m-1t th,ng. N-ou th,ng n-1y b-1 800 th-1ng 50000 800 v-1 m-1n 800 th-1ng 150 000 800 th-1 s-1 ti-1n l-1nh th,ng n-1y c-1a b-1 v-1 m-1n b-1ng nhau. H-1 t-1nh ti-1n l-1ng th,ng c-1a m-1c ng-1i.

Bài giải

Câu 6. Cho 3 chữ số 2; 3; 5. Từ ba chữ số đã cho, hãy viết tất cả các số có 3 chữ số khác nhau.

a) Chia hết cho 2:.....

b) Chia hết cho 5:.....

Bài 7. Tính nhanh

$1237 \times 12 + 1237 \times 34 + 1237 + 1237 \times 53$

$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9$

$1237 \times 12 + 1237 \times 34 + 1237 + 1237 \times 53$

$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9$

$$= 1237 \times (12 + 34 + 1 + 53)$$

$$= 1237 \times 100 = 123700$$

$$= (1 + 9) + (2 + 8) + (3 + 7) + (4 + 6) + 5$$

$$= 10 + 10 + 10 + 10 + 5$$

$$= 45$$

ĐỀ 13: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: TOÁN 4

Họ và tên: Lớp:

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Chu vi của hình vuông là 16m thì diện tích sẽ là:

- A. 16m B. $16m^2$ C. 32 m D. 12m

Câu 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào sau: Cho các số : 160, 164, 135, 234.

a, Những số chia hết cho 2 và 5 là: 160; 164. ☐

b, Những số chia hết cho 3 và 9 là : 135; 234. ☐

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. Ghi kết quả vào chỗ chấm của mỗi phép tính sau:

$$12 \times 100 = \dots\dots\dots 357 \times 1\,000 = \dots\dots\dots$$

$$3\,100 : 100 = \dots\dots\dots 203\,000 : 1\,000 = \dots\dots\dots$$

Câu 2. Xếp các số sau: 2 274; 1 780; 2 375; 1 782 Theo thứ tự từ bé đến lớn:

Câu 3. Nối phép tính với kết quả của phép tính đó:

$156\,283 + 1\,589$

$192\,368 - 53\,912$

$$\begin{array}{r} 157 \\ 872 \end{array}$$

Câu 4. Ghi kết quả vào chỗ chấm.

$$2 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ phút}$$

$$8m\,6cm = \dots\dots\dots cm$$

$$2 \text{ tấn } 20kg = \dots\dots\dots kg$$

$$3m^2 = \dots\dots\dots dm^2$$

Câu 5. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 106 m, chiều rộng kém chiều dài 13 m. Tính diện tích mảnh đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Cho hình vẽ bên. Biết ABCD và BMNC là các hình vuông cạnh 8 cm. Viết tiếp vào chỗ chấm:

- a) Đoạn thẳng AM vuông góc với các đoạn thẳng.....
b) Đoạn thẳng BC song song với đoạn thẳng

Câu 7. Tính:

$823\ 546 - 693\ 924 : 28 =$

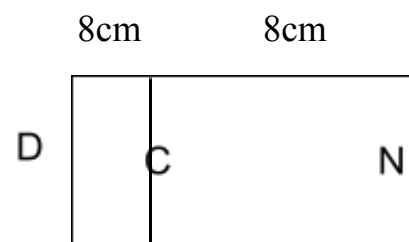
Câu 8. a. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$12345 \times 17 + 24 \times 12345 - 12345$

.....
.....
.....

b, Tìm y : $40 \times y - y = 1950 : 25$

.....
.....
.....



ĐỀ 14: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Chữ số hàng chục nghìn của số 905 432 là:

- A. 9 B. 0 C. 5 D. 4

Câu 2: Tìm số tròn chục x biết: $27 < x < 55$

- A. 30; 40; 50 B. 50; 60; 70 C. 20; 30; 40 D. 40; 50; 60

Câu 3: Tổng hai số là 45 và hiệu hai số đó là 9 thì số lớn là:

- A. 34 B. 54 C. 27 D. 36

Câu 4: Trong các số 98; 100; 365; 752; 565 số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5 là:

A. 98; 100 B. 365; 565 C. 98; 100; 365 D. 98; 100; 752

Câu 5: Trung bình cộng của hai số là 27. Số bé là 19 thì số lớn là:

A. 54 B. 35 C. 46 D. 23

Câu 6: 2 tấn 5 yến = kg

A. 250 B. 2500 C. 2050 D. 2000

II/ TỰ LUẬN.

Câu 7: Đặt tính rồi tính.

a) $37\,052 + 28\,456$ b/ $596\,178 - 44\,695$ c/ 487×215 d/ $14790 : 34$

Câu 8: Tìm x:

a) $42 \times x = 15\,792$

b) $x : 255 = 203$

Câu 9: Một đội công nhân hai ngày sửa được 3 450m đường. Ngày thứ nhất sửa ít hơn ngày thứ hai là 170m đường. Hỏi mỗi ngày đội đó sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài giải

Câu 10: Tính nhanh

a/ $2010 \times 3 + 2010 \times 6 + 2010$

b/ $2011 \times 89 + 10 \times 2011 + 2011$

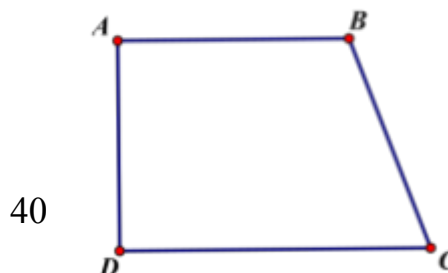
Câu 11. Bền chóng tười trắng còy ẽ vên sinh vệt líp. B'nh LÝ trắng 12 còy, b'nh HuỖ trắng 15 còy, B'nh hắng trắng 14 còy. Tười rết tù hươ vồ m×nh ®· trắng ®íc sè còy nhiỜu h-n sã TBC của 4 chóng tười lụ 4 còy. Sã b'nh biỂt tười trắng bao nhi^u còy?

Bài giải

Câu 12.

a) Trong hình bên có:

..... góc nhọn



..... góc tù?

b. Hãy vẽ một đường thẳng đi qua đỉnh B và vuông góc với CD tại điểm I.

ĐỀ 15: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số nào trong các số dưới đây chữ số 7 có giá trị là 7000?

A. 74 625 B. 37 859 C. 12 756 D. 90 472

Câu 2. Nền trung b×nh céng của mọi d-y sau với kỐt qu¶ t-ng ợng.

42 vµ 62

55

42 ; 62 vµ 55

54

52 ; 74 ; 83 ; vµ 90

53

Câu 3. Bác Hồ sinh năm 1890 thuộc thế kỷ nào?

A. Thế kỷ 42 ; 62 ; 73 ; 94 vµ 77 XVIII C. Thế kỷ XIX 52 thế kỷ XX

Câu 4. Đùng ghi Đ, sai ghi S vào sau:

a, Những số chia hết cho 2 thì có tận cùng là 4

b, Những số có chữ số tận cùng là 4 thì chia hết cho 2

b, Những số chia hết cho 3 thì sẽ chia hết cho 9

c, Những số chia hết cho 9 thì sẽ chia hết cho 3

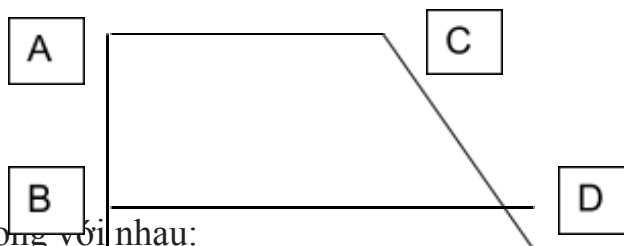
Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a, Với $a = 5$; Giá trị của biểu thức $145 + a \times 3$ là :

b, Với $b = 9$; Giá trị của biểu thức $945 : b - 57$ là :

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. Cho tứ giác ABCD



a. Viết tên các cặp cạnh song song với nhau:

b. Viết tên các cặp cạnh vuông góc với nhau:

Câu 2. Đặt tính rồi tính.

a. $6\,427 + 7\,694$

b. $864\,729 - 69\,653$

c. $2\,456 \times 24$

d. $86\,475 : 25$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$8\text{m } 6\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$2 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{phút.}$

Câu 4. Khối lớp 4 có 548 học sinh, trong đó số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 136 em. Hỏi khối lớp 4 có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Bài giải

Câu 5.

a. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$154 \times 35 + 154 \times 65$

b. Dùng ê-ke, hãy vẽ hình tứ giác có hai góc vuông, một góc nhọn và một góc tù.

ĐỀ 16: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số bốn trăm triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm linh năm được viết là:

- A. 40 036 105 B. 40 003 615 C. 400 036 105 D. 40 036 105

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Lớp đơn vị của số 378 609 344 gồm các chữ số: ... ; ... ;

b) Lớp triệu của số 475 321 616 gồm các chữ số: ... ; ... ;

Câu 3. Số 3 670 108 đọc là:.....

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) Số 45 567 không chia hết cho 2 và 3. ☐

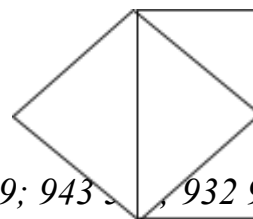
b) Số 19 095 chia hết cho 2 và 5. ☐

Câu 5. 2 tấn 20 kg = ? kg. Số thích hợp để viết ☐ chỗ chấm là:

- A. 2 020 B. 2 200 C. 2 002 D. 20 002

Câu 6. Số góc vuông có trong hình vẽ bên là:

- A. 9 góc vuông B. 6 góc vuông C. 7 góc vuông D. 8 góc vuông



Câu 7. Sắp xếp các số sau đây theo thứ tự từ bé đến lớn: 2467; 28 029; 943 567; 932 999; 944 123.

Câu 8. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

• $10\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

• $500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $3400\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $84600\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $280\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 \dots\dots\dots \text{cm}^2$

• $5\text{dm } 23\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

• $10\text{dm}^2 = 1000 \text{cm}^2$

• $500\text{cm}^2 = 5 \text{dm}^2$

• $3400\text{cm}^2 = 34\text{dm}^2$

• $84600\text{cm}^2 = 846 \text{dm}^2$

• $280\text{cm}^2 = 2 \text{dm}^2 80 \text{cm}^2$

• $5\text{dm } 23\text{cm}^2 = 523 \text{cm}^2$

PHẦN II. TỰ LUẬN.

Câu 1. Tìm x:

a) $x + 7\,489 = 7\,565$

b) $x \times 24 = 8\,544$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Hai bạn An và Bình hái cam trong vườn, được tất cả 236 quả. An hái được ít hơn Bình 24 quả. Hỏi mỗi bạn hái được bao nhiêu quả cam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Viết tiếp hai số vào dãy số sau sao cho phù hợp:

1; 4; 9; 16; ...;

Câu 4.

T×m sẽ cả 3 ch÷ sẽ biỐt trung bình cộng c,c ch÷ sẽ cĩa sẽ ⑩ã lụ 6 vµ ch÷ sẽ hụng tṛm gẾp 3 lCn ch÷ sẽ hụng ⑩¬n vP.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 17: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số lớn nhất trong các số 5 698; 5 968; 6 895; 6 859 là:

- A. 5 698 B. 5 968 C. 6 895 D. 6 859

Câu 2. Chữ số 5 trong số 6 780 523 thuộc hàng:

- A. Hàng trăm B. Hàng nghìn C. Hàng chục D. Hàng đơn vị

Câu 3. Số năm triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm được viết là:

- A. 5 070 060 B. 5 070 600 C. 5 700 600 D. 5 007 600

Câu 4. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ là:

- A. 1002 B. 120 C. 12 D. 102

Câu 5. Tìm chữ số thích hợp để viết vào ô trống sao cho:

a) $37 \square$ chia hết cho 9

b) $3413\square$ chia hết cho 5

Câu 6. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

a) $50 : (2 \times 5)$

$= 50 : 2 : 5$

$= 25 : 5$

b) $(28 \times 56) : 4$

$= (28 : 4) \times (56 : 4)$

$= 7 \times 14$

Câu 7. Hình vẽ bên có tất cả:

A. 5 cặp cạnh song song

B. 8 cặp cạnh song song

C. 10 cặp cạnh song song

D. 9 cặp cạnh song song

PHẦN II. TỰ LUẬN.

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) 533×126

$= 67158$

$325164 + 68030$

$= 393194$

b) $4165 : 35$

$= 119$

$479829 - 214589$

$= 265240$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $4567 \times 25 - 23527$

b) $46857 + 5520 : 16$

Câu 3. Trung bình cộng tuổi bố và tuổi con bằng 29. Bố hơn con 38 tuổi. Hỏi bố bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

Câu 4. Tổng số HS khối 1 của một trường tiểu học là 1 số có 3 chữ số và chữ số hàng trăm là 3. Nếu xếp hàng 10 và hàng 12 đều dư 8, mà xếp hàng 8 thì không còn dư. Tính số HS khối 1 của trường đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:..... Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số gồm: 3 triệu, 2 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 6 trăm, 2 chục và 8 đơn vị được viết là:

A. 3 205 628 B. 325 628 C. 3 025 628 D. 3 250 628

Câu 2. $32 \text{ m}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng):

A. 322 B. 320 002 C. 3 202 D. 32 002

Câu 3. Trung bình cộng của hai số bằng 86. Một trong hai số là số lớn nhất có hai chữ số, tìm số kia. Số cần tìm là:

A. 13 B. 172 C. 73 D. 99

Câu 4. Tìm chữ số thích hợp để viết vào ô trống sao cho:

a) $37 \square$ chia hết cho 5

b) $\square 62$ chia hết cho 3

PHẦN II. TỰ LUẬN.

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) 423×215 $879234 + 243678 =$

b) $3625 : 29$

$783004 - 98756$

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 2. Trong số: 34 569 817:

a) Giá trị của chữ số 3 là:

b) Giá trị của chữ số 5 là:

Câu 3. Số 675 210 005 đọc là:

Câu 4. Trong các số: 146 789; 34 143; 100 333; 893 217; 865 757 những số nào chia hết cho 3.

Trả lời: Các số chia hết cho 3 là:

Câu 5. Sắp xếp các số sau đây theo thứ tự từ bé đến lớn: 4 679; 82 299; 843 101; 834 999; 944 012.

Thứ tự từ bé đến lớn là:

Câu 6. Hai phân xưởng làm được 2 400 sản phẩm. Phân xưởng thứ nhất làm được nhiều hơn phân xưởng thứ hai 120 sản phẩm. Hỏi mỗi phân xưởng làm được bao nhiêu sản phẩm?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 7. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 84 m, biết rằng nếu bớt chiều dài thửa ruộng đi 6m ta được một thửa ruộng hình vuông. Tính diện tích thửa ruộng đó?

Bài giải

ĐỀ 19: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số **5 725** đọc là:

- A. Năm nghìn bảy trăm hai mươi lăm
- B. Năm mươi nghìn bảy trăm hai mươi lăm
- C. Năm trăm nghìn bảy trăm hai mươi lăm
- D. Năm triệu bảy trăm hai mươi lăm

Câu 2. Chữ số 5 trong số 9654837 thuộc hàng nào?

- A. Hàng trăm
- B. Hàng nghìn
- C. Hàng chục nghìn
- D. Hàng triệu

Câu 3. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước năm 1911 thuộc thế kỷ nào?

- A. Thế kỷ XVII
- B. Thế kỷ XVIII
- C. Thế kỷ XIX
- D. Thế kỷ XX

Câu 4. $2\text{m } 3\text{mm} = \dots\dots\dots \text{mm}$

- A. 2 003
- B. 23
- C. 203
- D. 2 300

Câu 5. Tìm số tròn chục x biết: $27 < x < 55$

- A. 30, 40, 50
- B. 50, 60, 70
- C. 20, 30, 40
- D. 40, 50, 60

Câu 6. Số nào dưới đây vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5?

- A. 36 572
- B. 44 835
- C. 50 110
- D. 55 552

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a. 216×403

b. $3\,816 : 12$

Câu 2. Một trường học có 678 học sinh. Số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 184 em. Hỏi trường học đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

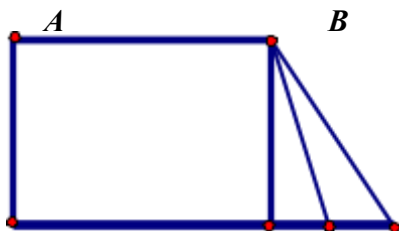
Bài giải

Câu 3. Tìm số bị chia nhỏ nhất trong phép chia có thương là 12 và số dư là 19.

Câu 4.

Tìm số chia nhỏ nhất của 3 chia hết, biết trung bình cộng của số chia và số dư là 2 và thương là 4.

Câu 5. Trên hình vẽ dưới đây:



a) Đoạn thẳng BC là cạnh của những hình tam giác, hình tứ giác nào ?

b) Điểm E là đỉnh chung của những hình tam giác, hình tứ giác nào ?

6) a) Đoạn thẳng BC là của các tam giác, tứ giác: BCE, BCH, BCDA

b) Điểm E là điểm chung các tam giác, tứ giác: BEC, BEH, BEDA

ĐỀ 20: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 4

Họ và tên:.....Lớp:.....

I/ TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số gồm bốn triệu, sáu mươi nghìn và tám mươi viết là:

- A. 406 080 B. 400 680 C. 400 608 D. 4 060 080

Câu 2. $5m^2\ 30dm^2 = \dots\dots\dots dm^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 503 B. 5003 C. 530 D. 5030

Câu 3. Giá trị của chữ số 5 trong số 234 567 là:

- A. 5 B. 50 C. 500 D. 5000

Câu 4. Số lớn nhất trong các số 743 597; 743 498 ; 743 598 ; 743 697

- A. 743 597 B. 743 498 C. 743 598 D. 743697

Câu 5: Trung bình cộng của 2 số là 18. Biết số thứ nhất là 10. Số thứ hai là:

- A. 3 B. 9 C. 26 D. 36

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. §Æt tÝnh r¶i tÝnh.

a/ $62573 + 43619$

b/ $3792 - 948$

.....

.....

.....

.....

c/ 147×23

d/ $2145 : 33$

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Ở hình bên:

Có: góc nhọn.

Có: góc vuông.

Có: góc tù.

Có: cặp đường thẳng song song.



Câu 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là $42m$, biết chiều dài hơn chiều rộng $18m$. Tính diện tích mảnh đất đó.

Bài giải

Câu 4. Tính nhanh: $(145 \times 99 + 145) - (143 \times 101 - 143)$

Câu 5. Thùng dầu thờ nhất cả 23 lít dầu, thùng dầu thờ hai cả 38 lít dầu, thùng dầu thờ 3 chứa sẽ lít dầu bằng sẽ trung bình cộng của hai thùng kia, cần thùng dầu thờ 4 chứa sẽ lít dầu ít hơn sẽ trung bình cộng của cả 4 thùng dầu lượng 9 lít. Hỏi thùng dầu thờ 4 chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

Câu 6. Giải bài toán dựa vào tóm tắt sau

Có: 27 học sinh giỏi

Mỗi em: 15 quyển vở

Mỗi quyển vở: 3200 đồng

Số tiền mua vở: đồng?

Số quyển vở các em được thưởng là : $27 \times 15 = 405$ (quyển vở)

Số tiền mua vở là : $3200 \times 405 = 1296000$ (đồng)

Đáp số : 1296000 đồng

ĐỀ 1

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Điểm	B	A	A	C	C

Câu 6. a, Góc tù đỉnh B; cạnh BA, BC.

b, Cạnh AB song song với cạnh DC.

Câu 7. 27

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. 58 561 21 892 13 750 582(dư 1)

Câu 2. Số tròn trăm x là: 600, 700, 800.

Câu 3.

Bài giải

Chiều dài hình chữ nhật là

$$(82+6):2 = 44 \text{ (cm)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$82 - 44 = 38 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$44 \times 38 = 1672 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 1672 cm²

Câu 4.

Bài Giải

- Số nhỏ nhất có 3 chữ số là: 100. Nên trung bình cộng của 2 số đó là: 100.

- Số lớn nhất có 2 chữ số là : 99. Nên số thứ nhất chính là: 99.

Tổng của 2 số là: $100 \times 2 = 200$

Vậy số thứ hai là: $200 - 99 = 101$

Đáp số: 101

Câu 5:

Bài giải

Kho thứ nhất nhiều hơn kho thứ hai số thóc là:

$$65 - 45 + 10 = 30 \text{ (tấn)}$$

Kho thứ nhất có số thóc là:

$$(350 + 30) : 2 = 190 \text{ (tấn)}$$

Kho thứ hai có số thóc là:

$$350 - 190 = 160 \text{ (tấn)}$$

Đáp số: Kho thứ nhất: 190 tấn, kho thứ hai: 160 tấn

ĐỀ 2

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	D	B	C	D	A	A

II/ PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: $845763 + 96858 = 942621$

$$607549 - 536857 = 70692$$

$$23487 \times 7 = 164\,409$$

$$182736 : 9 = 20\,304$$

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện (mỗi phần đúng cho 0,5đ)

a. $235 + 45678 + 765 = (235 + 765) + 45678$

$$= 1000 + 45678$$

$$= 46678$$

b. $45678 + 1234 - 678 - 234 = (45678 - 678) + (1234 - 234)$

$$= 45\,000 + 1000$$

$$= 46000$$

Câu 3:

Bài giải

Số tạ thóc năm thứ hai bác Hà thu hoạch được (đạt 0,5 điểm)

$$60 : 2 = 30 \text{ (tạ)}$$

Số tạ thóc năm thứ ba bác Hà thu hoạch được (đạt 0,5 điểm)

$$60 \times 2 = 120 \text{ (tạ)}$$

Số thóc trung bình mỗi năm bác Hà thu hoạch được là (đạt 1 điểm)

$$(60 + 30 + 120) : 3 = 70 \text{ (tạ)}$$

Đáp số: 70 tạ thóc

Câu 4:

Bài giải

Chiều dài HCN là : $(30 + 12) : 2 = 21 \text{ (cm)}$ 0,25đ

Chiều rộng HCN là : $21 - 12 = 9 \text{ (cm)}$ 0,25đ

Chu vi HCN là : $(21 + 9) \times 2 = 60 \text{ (cm)}$ 0,5đ

Diện tích HCN là : $21 \times 9 = 189 \text{ (cm}^2\text{)}$ 0,5đ

Đáp số : 189 cm^2

Câu 5.

Bài giải

Tổng các chữ số của số đó là:

$$6 \times 3 = 18$$

Vì chữ số nhỏ hơn 10 nên nếu chữ số hàng đơn vị là 1 thì chữ số hàng trăm là 3 và chữ số hàng chục sẽ là:

$$18 - (1 + 3) = 14 > 9 \text{ (loại)}$$

Chữ số hàng đơn vị là 2 thì chữ số hàng trăm là 6, chữ số hàng chục là:

$$18 - (2 + 6) = 10 > 9 \text{ (loại)}$$

Chữ số hàng đơn vị là 3 thì chữ số hàng trăm là 9, chữ số hàng chục là:

$$18 - (3 + 9) = 6$$

Vậy số phải tìm là 963.

Đáp số : 963

ĐỀ 3

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu 1: D **Câu 2:** A **Câu 3:** D **Câu 4:** D

II/ TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

$$152\,399 + 24 \qquad 698\,92508 - 22 \qquad 429\,3089 \times 5 \qquad 43\,263 : 9$$

Câu 2.

Với $y = 3$, ta có: $326 - (57 \times 3) = 326 - 171 = 155$ (1 điểm)

Câu 3. Điền đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a- 58 tấn = 580 tạ b- 5 yến 8kg < 5 tạ 8 kg

Câu 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất: (1 điểm)

$$\begin{aligned} &11 + 22 + 33 + 44 + 55 + 66 + 77 + 88 + 99 \\ &= (11 + 88) + (22 + 77) + (33 + 66) + (44 + 55) + 99 \\ &= 99 + 99 + 99 + 99 + 99 \\ &= 99 \times 5 \\ &= 495 \end{aligned}$$

Câu 5.

Bài giải:

Nửa chu vi của hình chữ nhật là:

$$28 : 2 = 14(\text{m})$$

Chiều dài của hình chữ nhật là:

$$(14 + 8) : 2 = 11(\text{m})$$

Chiều rộng của hình chữ nhật là:

$$11 - 8 = 3(\text{m})$$

Diện tích của hình chữ nhật là:

$$11 \times 3 = 33(\text{m}^2)$$

Đáp số: 33m²

Câu 6. 1 góc bẹt

ĐỀ 4

I/ TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	C	D	A	C

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1: 1 điểm: Học sinh làm đúng mỗi phép tính đạt 0,5 điểm

Câu 2:

Với $a = 15$, $b = 5$, $c = 6$ thì $(3 \times a + b) \times c = (3 \times 15 + 5) \times 6 = (45 + 5) \times 6 = 50 \times 6 = 300$.

Câu 3:

Bài giải

Tổng của hai số là 99, hiệu của hai số là 9.

Số lớn là:

$$(99 + 9) : 2 = 54$$

Số bé là:

$$99 - 54 = 45$$

Đáp số: 54 và 45

Câu 4:

Bài giải

Tặng của ba sẽ là:

$$369 \times 3 = 1107$$

Mà $1107 = 999 + 99 + 9$, ngoài ra không cần thêm nữa. Vậy 3 sẽ phải trả: 999; 99; 9.

Đáp số: 999; 99 và 9

Câu 5.

Bài giải

Hiệu số tuổi không đổi theo thời gian nên hiện nay ông vẫn hơn cháu 60 tuổi.

Tuổi cháu hiện nay là:

$$(78 - 60) : 2 = 9 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi ông hiện nay là:

$$60 + 9 = 69 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Ông: 69 tuổi, cháu: 9 tuổi

ĐỀ 5

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. A **Câu 2.** C **Câu 3.** B **Câu 4.** Chiều rộng thửa ruộng dài là 8 m

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Mỗi ý đúng cho 0,5đ

Câu 2. Tính

$$4 \text{ yến } 30 \text{ kg} = 70 \text{ kg} \quad 5 \text{ thế kỉ} = 500 \text{ năm}$$

$$3 \text{ km } 15 \text{ m} = 3015 \text{ m} \quad 4 \text{ giờ } 36 \text{ phút} = 276 \text{ phút}$$

Câu 3.

$$769893 > 678909 + 201 \quad 857\,432 - 431 < 856\,000$$

$$700\,000 = 69\,999 + 1 \quad 493\,701 < 654\,702 + 3$$

Câu 4.

Người đó sinh vào năm 76 của thế kỉ XIX tức là năm 1876.

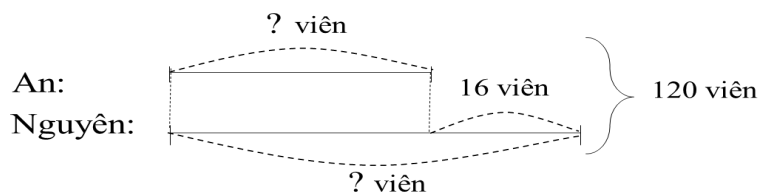
Người đó mất vào năm 37 của thế kỉ XX tức là năm 1937.

Vậy số năm người đó sống là: $1937 - 1876 = 61$ (năm)

Câu 5.

Bài giải:

Nếu An cho Nguyên 20 viên bi thì tổng số bi của hai bạn vẫn là 120 viên, hiệu số bi của hai bạn là 16 viên bi. Khi đó ta có sơ đồ sau:



Số bi của An khi đó là:

$$(120 - 16) : 2 = 52 \text{ (viên)}$$

Số bi của An ban đầu là:

$$52 + 20 = 72 \text{ (viên)}$$

Số tiền An đã mua bi là:

$$(72 : 3) \times 1000 = 24\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 24 000 đồng

ĐỀ 6

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	C	B	C	D

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm:

$$\begin{array}{r} 137\,052 \\ 28\,456 \\ \hline 165\,508 \end{array} \quad \begin{array}{r} 596\,178 \\ 344\,695 \\ \hline 251\,483 \end{array}$$

Câu 2.

Bài giải

Chu vi của mảnh đất hình vuông là:

$$108 \times 4 = 432 \text{ (m)}$$

Đáp số: 432 mét

Câu 3.

Bài giải

Chiều dài của sân trường hình chữ nhật là:

$$(26+8):2=17 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của sân trường hình chữ nhật là:

$$17 - 8 = 9(\text{m})$$

Diện tích của sân trường hình chữ nhật là:

$$17 \times 9 = 153(\text{m}^2)$$

Đáp số: 153 m^2

Câu 4.

Bài giải

Tổng của hai số là:

$$123 \times 2 = 246$$

Số lớn là:

$$246 - 24 = 222$$

Đáp số: Số lớn: 222

Câu 5.

Bài giải

Hiệu giữa hai số lẻ là:

$$6 \times 2 + 2 = 14$$

Số bé là:

$$(548 - 14) : 2 = 267$$

Số lớn là:

$$267 + 14 = 281$$

Đáp số: 267 và 281

ĐỀ 7

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	D	A	B	A	D

II/ TỰ LUẬN:

Câu 1: 1 điểm: Học sinh làm đúng mỗi phép tính đạt 0,5 điểm

Câu 2:

$$\begin{aligned} & \text{a/ } 5\,345 + 142 + 4\,655 \\ &= (5\,345 + 4\,655) + 142 \\ &= 10\,000 + 142 \\ &= 10\,142 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & \text{b/ } 123 + 4\,567 + 277 + 3\,433 \\ &= (123 + 277) + (4\,567 + 3\,433) \\ &= 400 + 8\,000 \\ &= 8\,400 \end{aligned}$$

Câu 3 :

Bài giải

Giờ thứ hai ô tô đi được là :

$$50 + 10 = 60 (\text{km})$$

Giờ thứ ba ô tô đi được là :

$$50 \times 2 = 100 (\text{km})$$

Trung bình mỗi giờ ô tô đi được là :

$$(50 + 60 + 100) : 3 = 70 (\text{km})$$

Đáp số: 70 (km)

Câu 4 :

Bài giải

Bình kém An số bi là:

$$12 + 8 = 20 \text{ (viên)}$$

Bình có số bi là:

$$(64 - 20) : 2 = 22 \text{ (viên)}$$

An có số bi là:

$$22 + 20 = 42 \text{ (viên)}$$

Đáp số: An: 42 viên, Bình: 22 viên

Câu 5:

Bài giải

Áp dụng TBC của một số lẻ các số cách đều nhau chính là số ở chính giữa dãy số.

TBC của 7 số cần tìm là 99, 7 số lẻ liên tiếp là các số cách đều nhau nên TBC của chúng là số ở chính giữa của dãy số tức là số hạng thứ tư của dãy số, vậy số hạng thứ tư của dãy số là 99.

7 số lẻ liên tiếp cần tìm là: 93; 95; 97; 99; 101; 103; 105

Đáp số: 93; 95; 97; 99; 101; 103; 105

ĐỀ 8

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	28, 35, 42, 49	B	B	A	A

PHẦN II: TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a. $589 + 407 = 996$ b. $735 - 208 = 527$ c. $65 \times 7 = 455$ d. $96 : 4 = 24$

Bài 2: Tìm X biết:

a) $X : 4 = 58$

$$X = 58 \times 4$$

$$X = 232$$

b) $7 \times X = 63$

$$X = 63 : 7$$

$$X = 9$$

Bài 3: Tính:

a. $37 \times 5 - 18 = 185 + 18$
 $= 167$

b. $42 : 6 + 84 = 7 + 84$
 $= 91$

Bài 4:

Bài giải

Số quả cam chị hái được là:

$$(55 + 5) : 2 = 30 \text{ (quả cam)}$$

Em hái được số quả cam là:

$$30 - 5 = 25 \text{ (quả cam)}$$

Đáp số: Chị: 30 quả cam, em: 25 quả cam

Bài 5:

Bài giải

Tổng của hai số là:

$$10 \times 2 = 20$$

Số lớn là:

$$(20 + 8) : 2 = 14$$

Số bé là:

$$20 - 14 = 6$$

Đáp số: 6 và 14

ĐỀ 9

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	C	D	B	B	B	D	A	28;35;42;49

PHẦN II: TỰ LUẬN:

Câu 1: Đặt tính rồi tính.

a, 808123

b, 792147

Câu 2:

Bài giải

Cả ba giờ ô tô đó chạy được là:

$$40 + 48 + 53 = 141 \text{ (km)}$$

Trung bình mỗi giờ ô tô đó chạy được là:

$$141 : 3 = 47 \text{ (km)}$$

Đáp số: 47 km.

Câu 3:

Bài giải

Hiệu giữa chúng là:

$$7 \times 2 + 2 = 16$$

Số lớn là:

$$(292 + 16) : 2 = 154$$

Số bé là:

$$154 - 16 = 138$$

Đáp số: 154 và 138

Câu 4:

Bài giải

Vì TBC của 5 số bằng 96 nên tổng của 5 số đó là:

$$96 \times 5 = 480$$

Vì số thứ 5 bằng TBC của 4 số kia nên tổng của 4 số đó bằng 4 lần số thứ 5. Do đó, 5 lần số thứ 5 cũng bằng tổng của 5 số đó, tức là bằng 480.

Vậy số thứ 5 bằng: $480 : 5 = 96$

Đáp số: 96

Câu 5:

Bài giải

Số thóc ở kho A là:

$$(475 - 105) : 2 = 185 \text{ (tấn)}$$

Số thóc ở kho B là:

$$185 - 20 = 165 \text{ (tấn)}$$

Số thóc ở kho C là:

$$475 - 165 - 185 = 125 \text{ (tấn)}$$

Đáp số: Kho A: 185 tấn, kho B: 165 tấn, kho C: 125 tấn

ĐỀ 10

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN.

Bài 1:

a. 58508 b. 25619

Bài 2:

Bài giải:

Số lít nước thùng bé là:

$$(600 - 120) : 2 = 240 \text{ (l)}$$

Số lít nước thùng to là:

$$240 + 120 = 360 \text{ (l)}$$

Đáp số: Thùng bé : 240 lít, thùng to: 360 lít.

Bài 3:

Bài giải

Số số hạng của dãy số là:

$$(2003 - 1) : 2 + 1 = 1002 \text{ (số)}$$

Tổng các số hạng của dãy số là:

$$1\ 002 : 2 \times (2003 + 1) = 1\ 004\ 004$$

Trung bình cộng các số của dãy là:

$$1004004 : 1002 = 1002$$

Đáp số: 1002

Bài 4:

Bài giải

Số lít dầu ở thùng thứ ba là:

$$(32 + 38) : 2 = 35 \text{ (l)}$$

Số lít dầu ở thùng thứ nhất, hai, ba là:

$$32 + 38 + 35 = 105 \text{ (l)}$$

Trung bình cộng của các 4 thùng là:

$$(105 - 9) : 3 = 32 \text{ (l)}$$

Số lít dầu trong thùng thứ tư là:

$$32 - 9 = 23 \text{ (l)}$$

ĐS: 23 lít

Bài 5:

Bài giải

Sau khi chuyển mỗi thùng có số lít dầu là:

$$82 : 2 = 41 \text{ (l)}$$

Thùng thứ nhất lúc đầu có số dầu là:

$$41 + 7 = 48 \text{ (l)}$$

Thùng thứ hai lúc đầu có số dầu là:

$$41 - 7 = 34 \text{ (l)}$$

Đáp số: Thùng thứ nhất: 48l, thùng thứ hai: 34l

ĐÁP ÁN ĐỀ CUỐI HỌC KÌ I

ĐỀ 1

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
C	B	D	B	C	B	D

Câu 8. 1780; 1782; 2274; 2375

II/ TỰ LUẬN

Câu 1.

$$386259 + 260837 = \mathbf{647096} \quad 304564 - 199879 = \mathbf{104685} \quad 417 \times 23 = \mathbf{9591} \quad 2145 : 33 = \mathbf{65}$$

Câu 2. - Đoạn thẳng AD song song với các đoạn thẳng BC, MN.

- Chiều rộng hình chữ nhật AMND là 8cm, chiều dài hình chữ nhật AMND là 16cm. Vậy diện tích hình chữ nhật AMND là:

$$8 \times 16 = 128 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Câu 3.

Bài giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là: $140 : 2 = 70 \text{ (m)}$

Chiều dài hình chữ nhật là: $(70 + 10) : 2 = 40 \text{ (m)}$

Chiều rộng hình chữ nhật là: $70 - 40 = 30 \text{ (m)}$

Diện tích hình chữ nhật là: $40 \times 30 = 1\,200 \text{ (m}^2\text{)}$

số lúa thu hoạch từ mảnh đất đó là: $1\,200 : 100 \times 50 = 600 \text{ (kg)}$

Đáp số: 600 kg

Câu 4. Vì số dư là 19 nên số chia nhỏ nhất là 20

Số bị chia nhỏ nhất của phép chia đó là: $12 \times 20 + 19 = 259$

ĐỀ 2

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

D	C	A	B	C	C	B
---	---	---	---	---	---	---

I/ TỰ LUẬN

Câu 1:

a/ 715 445

b/ 259 829

c/ 2 295

Câu 2. Tìm x :

a) $x \times 42 = 15792$

b) $x : 255 = 203$

$x = 15792 : 42$

$x = 376$

Câu 3.

Bài giải

Con có số tuổi là: $(57 - 33) : 2 = 12$ (tuổi)

Mẹ có số tuổi là: $33 + 12 = 45$ (tuổi)

Đáp số: Con: 12 tuổi, Mẹ: 45 tuổi.

Câu 4. 7530

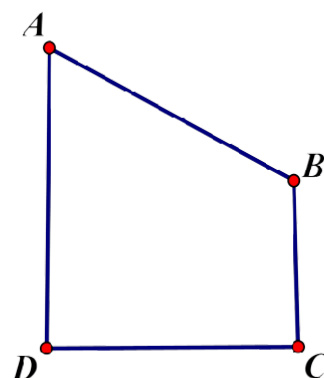
Câu 5. Hãy nêu tên các góc có trong hình vẽ sau:

Góc đỉnh A; Cạnh AB, AD

Góc đỉnh B; Cạnh BA, BC

Góc đỉnh C; Cạnh CD, CB

Góc đỉnh D; Cạnh DA, DC



ĐỀ 3

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu 1. D

Câu 2. B

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a/ 6 200

b/ 689 000

c/ 93

d/ 407

Câu 2.

a/ 0

b/ 8

c/ 2

d/ 4

(Nếu điền đáp án khác đúng vẫn cho điểm bình thường)

Câu 3.

a/ 5 458

b/ 7 034

c/ 205 570

d/ 768 (dư 123)

Câu 4.

a/ 3 470

b/ 445

c/ 404

d/ 94

Câu 5.

Sẻ tiền Lâm gấp ② lần:

$$(8000 + 9000) : 2 - 400 = 8100 \text{ (②)}.$$

Ch②nh gấp k②m mức trung b②nh của c② 4 ng②i l② 1 100 ②ng n②n ba b②n ph②i bi cho Ch②nh 1 100 ②ng. V②y trung b②nh m②i b②n gấp l②:

$$(8000 + 9000 + 8100 - 1100) : 3 = 8000 \text{ (②)}.$$

Sẻ tiền Ch②nh gấp l②:

$$8000 - 1100 = 6900 \text{ (②)}.$$

Câu 6.

Số lớn nhất có hai chữ số là 99 nên $a = 99$

Số bé nhất có ba chữ số là 100 nên $b = 100$

Theo bài ra ta có: $a \times 567 + b = 99 \times 567 + 100 = 56133 + 100 = 56233$

ĐỀ 4

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	C	B	C	C

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1. a. 673549 b. 1285694 c. 501584 d. 35 (dư 3)

Câu 2.

a/ Đường thẳng IK vuông góc với đường thẳng AB VÀ CD.

b/ Đường thẳng AB song song với đường thẳng CD.

Câu 3.

a/ 352; 532

b/ 235; 325

Câu 4. $x = 376$

$x = 51765$

Câu 5

Bài giải

Nửa chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:

$$160 : 2 = 80 \text{ (m)}$$

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(80 + 42) : 2 = 61 \text{ (m)}$$

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$80 - 61 = 19 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$61 \times 19 = 1\,159 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: $1\,159 \text{ m}^2$

Câu 5. $12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24$

$$= 12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 \times 1 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24$$

$$\begin{aligned}
 &= 12345 \times (17 + 23 + 1 + 35 + 24) \\
 &= 12345 \times 100 \\
 &= 1234500
 \end{aligned}$$

ĐỀ 5

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu 1. C

Câu 2. A

Câu 3.

Góc đỉnh A là góc vuông.

☐ Đ

Góc đỉnh B là góc nhọn

☐ S

Góc đỉnh D là góc bẹt.

☐ Đ

Góc đỉnh C là góc tù.

☐ S

Góc đỉnh B là góc tù.

☐ Đ

Câu 4: Nội phép tính với kết quả đúng.

3960 : 36	101
	110
	111
	102

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

- Mười bảy triệu năm trăm linh ba nghìn bốn trăm sáu mươi bảy.

Câu 2.

Trung bình cộng của 3 số 36; 42; 57 là:

$$(36 + 42 + 57) : 3 = 45$$

Câu 3.

$$5\text{ tấn } 8\text{ kg} = 5\,008\text{ kg}$$

$$7\text{ dm}^2 45\text{ cm}^2 = 745\text{ cm}^2$$

Câu 4. Chữ số 1

Câu 5.

$$a/ x - 2\,581 = 4\,621$$

$$x = 4\,621 + 2\,581$$

$$x = 7\,202$$

$$b/ x - 935 = 532$$

$$x = 532 + 935$$

$$x = 1\,467$$

c/ Tìm số tròn chục x, biết $47 < x < 82$

Số tròn trăm lớn hơn 47 và nhỏ hơn 82 là các số 50, 60, 70, 80.

Vậy x là các số : 50, 60, 70, 80.

Câu 6.

Bài giải

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật đó là:

$$(160 + 52) : 2 = 106 \text{ (m)}$$

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật đó là:

$$160 - 106 = 54 \text{ (m)}$$

Đáp số: Chiều dài: 106m, chiều rộng: 54 m

Câu 7.

$$43 \times 95 + 4 \times 43 + 43$$

$$= 43 \times (95 + 4 + 1)$$

$$= 43 \times 100$$

$$= 100$$

$$25 \times 8 \times 50 \times 125 \times 4 \times 2 = (25 \times 4) \times (50 \times 2) \times (125 \times 8)$$

$$= 100 \times 100 \times 1000$$

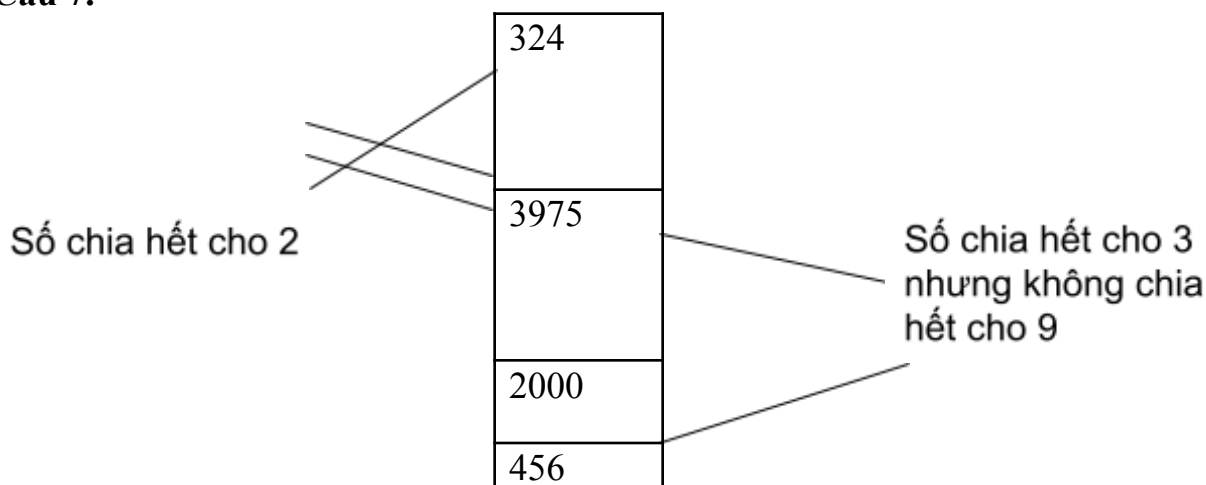
$$= 10000000$$

ĐỀ 6

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	D	C	B	A

Câu 7.



II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a. 10224

b. 337455

c. 558 (dư 13)

d. 678218

Câu 2.

Bài giải

Số học sinh nam của trường đó là:

$$(360 + 18) : 2 = 189 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh nữ của trường đó là:

$$360 - 189 = 171 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: Nam: 189 học sinh, nữ: 171 học sinh.

Câu 3.

$$\begin{aligned} a/ & 490 \times 365 - 390 \times 365 \\ & = 365 \times (490 - 390) \\ & = 365 \times 10 \\ & = 3\,650 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} b/ & 25 \times 35 \times 4 \times 6 \\ & = (35 \times 6) \times (25 \times 4) \\ & = 210 \times 100 \\ & = 21\,000 \end{aligned}$$

Câu 4.

D·y sẽ g·m 10 s· l· l·n ti·p c, ch ®Òu nhau n·n TBC c·n· ch·ng b»ng TBC c·n· s· l· th· n·m v· s· l· th· s, u trong d·y s·.

V·y t·ng c·n· s· h·ng th· n·m v· th· s, u l·: $74 \times 2 = 148$

S· l· th· n·m l·: $(148 - 2) : 2 = 73$

S· l· th· s, u l·: $73 + 2 = 75$

10 s· l· c·n· t·m l·: 65, 67, ..., 83.

ĐỀ 7

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	D	C	C	A

Câu 6.

A. $322 : 14 = 23$

B. Góc bẹt bé hơn góc tù

C. Năm 2000 thuộc thế kỉ XX

Câu 7.

4 x 2145	Đ S Đ	(3+ 2) x 10287
3968 x 6		(2100 + 45) x 4
10287 x 5		(4+ 2) x (3000 + 968)

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a/ 25 990

b/ 107 (dư 9)

c/ 24 012

Câu 2.

Bài giải

Phân xưởng thứ nhất làm được số sản phẩm là:

$$(1\,500 + 378) : 2 = 939 \text{ (sản phẩm)}$$

Phân xưởng thứ hai làm được số sản phẩm là:

$$1\,500 - 939 = 561 \text{ (sản phẩm)}$$

Đáp số: - Phân xưởng thứ nhất: 939 sản phẩm

- Phân xưởng thứ hai: 561 sản phẩm.

Câu 3.

Bình kém An số bi là: $12 + 8 = 20$ (viên)

Bình có số bi là: $(64 - 20) : 2 = 22$ (viên)

An có số bi là: $22 + 20 = 42$ (viên)

Câu 4.

An mua một số vở, giá mỗi quyển giá 5 nghìn đồng. An đưa cô bán hàng tờ 200 nghìn đồng cô bán hàng trả lại An 97 nghìn đồng. Thấy vậy An nói “cô ơi cô tính nhầm tiền rồi”. Em hãy giải thích xem tại sao An có thể khẳng định ngay như thế.

+ Số tiền An mua vở = 5000 đồng x số vở

Do đó số tiền An mua vở là một số chia hết cho 5

+ Số tiền An đưa cho cô bán hàng là 200 000 đồng chia hết cho 5

Do đó số tiền trả lại phải chia hết cho 5.

Mà 97 000 đồng không chia hết cho 5 nên cô bán hàng đã tính nhầm.

Câu 5.

Thừa số đó là : $60 : (1 + 2) = 20$

Tích đúng là: $20 \times 12 = 240$

ĐỀ 8

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu 1. B

Câu 2. D

Câu 3. A

Câu 4. 3

II/ TỰ LUẬN

Câu 1.

a/ 81 701

b/ 18 365

c/ 470 664

d/ 172

Câu 2.

Số lớn nhất trong các số đó là:

$$75 + 2 + 2 = 79$$

Câu 3.

$$5\text{m}^2 50\text{dm}^2 = 550\text{dm}^2$$

$$2\text{t}^1 2\text{kg} = 202\text{kg}$$

$$2\text{giờ } 15\text{ phút} = 75\text{ phút}$$

$$2\text{t}^{\text{h}} 12\text{t}^1 = 32\text{t}^1$$

Câu 4.

$$\text{a/ } 32 \times 100 = 3\,200$$

$$\text{c/ } 9\,000 : 10 = 900$$

$$\text{b/ } 657 \times 1\,000 = 657\,000$$

$$\text{d/ } 203\,000 : 1\,000 = 203$$

Câu 5.

- Góc nhọn bé hơn góc vuông

- Góc tù lớn hơn góc vuông

- Góc bẹt lớn hơn góc vuông

- Góc tù bé hơn góc bẹt

Câu 6.

Bài giải

Hai năm trước chị hơn em 24 tuổi thì hiện nay chị cũng hơn em 24 tuổi.

Hiện nay, chị có số tuổi là:

$$(24 + 4) : 2 = 14 \text{ (tuổi)}$$

Hiện nay, em có số tuổi là:

$$24 - 14 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Chị: 14 tuổi, em: 10 tuổi.

Câu 7. D

ĐỀ 9

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	B	A	C

II/ TỰ LUẬN

Câu 1.

a/ 647096

b/ 188246

c/ 9591

d/ 65

Câu 2.

Một cửa hàng có 5 rổ đựng cam hoặc chanh. Số quả lần lượt là: 104; 115; 132; 136 và 148.

Sau khi bán được một rổ cam, người bán thấy: số chanh còn lại gấp 4 số cam. Hỏi lúc đầu cửa hàng đó có bao nhiêu quả mỗi loại ?

+ Ta có: $(104 + 115 + 132 + 136 + 148)$ chia hết cho 5

Vì số chanh còn lại gấp 4 lần số cam nên tổng số cam và chanh còn lại phải là một số chia hết cho 5.

Do đó số cam bán đi phải là một số chia hết cho 5

Số cam bán đi là 115 quả.

Số cam còn lại là : $(104 + 132 + 136 + 148) : 5 = 104$ (quả)

Số cam lúc đầu có là : $104 + 115 = 219$ (quả)

Số chanh lúc đầu có là : $132 + 136 + 148 = 416$ (quả)

Câu 3.

Bài giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là:

$$200 : 2 = 100 \text{ (m)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$(100 + 40) : 2 = 70 \text{ (m)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$100 - 70 = 30 \text{ (m)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$70 \times 30 = 2100 \text{ (m}^2\text{)}$$

số lúa thu hoạch từ mảnh đất đó là:

$$2100 : 100 \times 50 = 1050 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1 050 kg

Câu 4.

V× TBC của 5 sẽ bằng 96 nên tăng của 5 sẽ là:

$$96 \times 5 = 480$$

V× sẽ cho 5 bằng TBC của 4 sẽ là nên tăng của 4 sẽ là bằng 4 lần sẽ cho 5. Do đó, 5 lần sẽ cho 5 cùng bằng tăng của 5 sẽ là, tức là bằng 480.

$$\text{Vậy sẽ cho 5 bằng: } 480 : 5 = 96$$

ĐỀ 10

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	B	C	B	D

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a/ 6 360

b/ 567369

c/ 30 504

d. chia 428 (dư 1)

Câu 2.

a/ $X \times 500 = 40\,000$

$$X = 40\,000 : 500$$

$$X = 80$$

b/ $7\,828 + X = 10\,000$

$$X = 10\,000 - 7\,828$$

$$X = 2\,172$$

Câu 3.

a. $21 + 21 + 21 + 21 + 21 = 21 \times 5$

b. $15 + 15 + 15 + 15 + 15 + 15 + 15 + 15 + 15 = 15 \times 9$

có 9 số hạng

Câu 4.

Hai lần chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$533 - 127 = 406 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$406 : 2 = 203 \text{ (m)}$$

$$\text{Hoặc : } (533 - 127) : 2 = 203 \text{ (m)}$$

Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$203 + 127 = 330 \text{ (m)}$$

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$330 \times 203 = 66\,990 \text{ (m}^2\text{)}$$

0,5 điểm

Đáp số : 66 990 (m²)

Câu 5.

Ta thấy số HS tiên tiến và số HS xuất sắc đều là những số chia hết cho 3 vì vậy số vở thưởng cho mỗi loại HS phải là 1 số chia hết cho 3. Suy ra tổng số vở phát thưởng cũng là 1 số chia hết cho 3, mà 1996 không chia hết cho 3 > Vậy cô văn thư đã tính sai.

Câu 6.

Sẻ c, của t*ai* c*âu* 8*ic* b*»ng* TBC sẻ c, của 3 chóng t*ai* n*»n* t*ai* kh*«ng* ph*¶i* b*ĩ* cho hai b'*n* v*ụ* hai b'*n* kh*«ng* ph*¶i* b*ĩ* cho t*ai* n*»n* sẻ c, của t*ai* c*âu* ch*Ýnh* b*»ng* TBC sẻ c, của hai b'*n* Hĩng v*ụ* Dòng c*âu* n*»n* l*ụ*:

$$(15 + 11) : 2 = 10 \text{ (con)}$$

§,p sẻ : 13 con

ĐỀ 11

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu 1. D

Câu 2. B

II/ TỰ LUẬN

Câu 1.

a/ $32 \times 100 = 3\,200$

b/ $657 \times 1000 = 657\,000$

c/ $8100 : 100 = 81$

d/ $203000 : 1000 = 203$

Câu 2: Viết 1 chữ số thích hợp vào chỗ chấm sao cho:

835 chia hết cho 5

204 chia hết cho 3

855 chia hết cho 9

470 chia hết cho 2

Câu 3.

a/ 4 185

b/ 2 844

c/ 97 375

d/ 435 (dư 5)

Câu 4.

$35\text{m}^2\,50\text{dm}^2 = 3550\text{dm}^2$

3 giờ 15 phút = 195 phút

2 tạ 2 kg = 202 kg

1 tấn 12 tạ = 22 tạ

Câu 5. Đúng ghi Đ, Sai ghi S vào ô trống:

Trong hình chữ nhật ABDC có:

☐ S AB vuông góc với CD

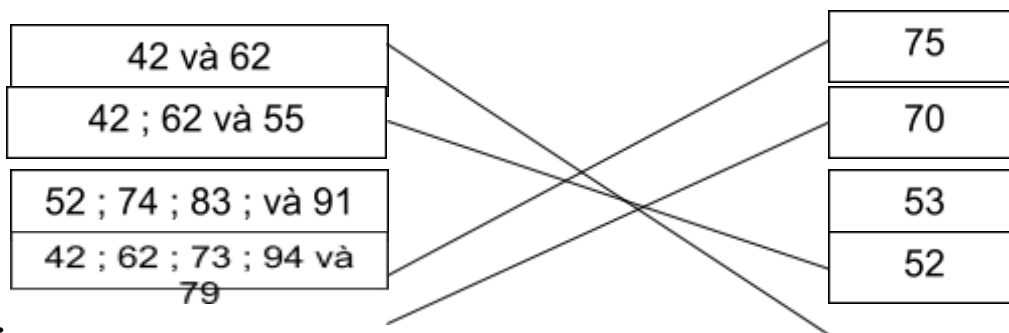
☐ Đ AB vuông góc với DB

☐ S AB song song với AC

☐ Đ AC song song với BD



Câu 6: Nối trung bình cộng của mỗi dãy sau với kết quả tương ứng.



Câu 7.

Bài giải

Đôi 2 giờ = 120 phút

1 phút, cả hai vòi chảy được là:

$$35 + 25 = 60 \text{ (l)}$$

Sau 1 giờ, cả hai vòi chảy vào bể được số lít nước là:

$$120 \times 60 = 7\,200 \text{ (l)}$$

Đáp số: 7 200 l

Câu 8. Số dư là 44 nên số chia bé nhất là 45

$$\text{Số bị chia bé nhất là: } 123 \times 45 + 44 = 5579$$

ĐỀ 12

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	A	B	C

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. §Æt tÝnh r¸i tÝnh

$$\begin{array}{r} 359 \\ + 454 \\ \hline 1436 \\ + 1795 \\ \hline 162986 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 436 \\ + 205 \\ \hline 2180 \\ + 872 \\ \hline 89380 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67855 \\ - 228 \\ \hline 0355 \\ - 40 \\ \hline 1507 \end{array}$$

Câu 2. T×m x

a. $246 : X + 34 : X = 5$

$(246 + 34) : X = 5$

$280 : X = 5$

$X = 280 : 5$

$X = 56$

b. $360 : X - 126 : X = 6$

$(360 - 126) : X = 6$

$234 : X = 6$

$X = 234 : 6$

$X = 39$

Câu 3:

Tæng sè sñn phÈm 2 ph©n xæng thùc lụm lụ :

$5000 - 125 = 4875$ (sñn phÈm)

Ph©n xæng B lụm ®íc sè sñn phÈm lụ :

$(4875 - 475) : 2 = 2200$ (sñn phÈm)

Ph©n xæng A lụm ®íc sè sñn phÈm lụ :

$2200 + 475 = 2675$ (sñn phÈm)

§,p sè : Ph©n xæng A : 2675 sñn phÈm ; ph©n xæng B: 2200 sñn phÈm .

Câu 4.

Do viÖt nhÇm c,c tÝch riªng th¼ng cét n¹n kÖt qu¶ sai gÊp thõa sè thø nhÊt sè lÇn lụ :
 $4+3 = 7$ (lÇn)

Thõa sè thø nhÊt lụ : $10724 : 7 = 1532$

TÝch ®óng lụ : $1532 \times 43 = 65876$

§,p sè ; 65876

Câu 5.

Tæng sè tiÒn l-ng th,ng cña bè vµ mÑ lụ:

$600\ 000 \times 2 = 1\ 200\ 000$ (®ång)

NÕu bè ®íc thæng 50 000 ®ång vµ mÑ ®íc thæng 150 000 ®ång th× sè tiÒn lỪnh th,ng nuy cña bè b»ng cña mÑ. §iÒu ®ã chøng tá sè tiÒn l-ng th,ng cña bè h-n cña mÑ lụ:

$150\ 000 - 50\ 000 = 100\ 000$ (®ång)

Sè tiÒn l-ng mÑ lụ: $(1\ 200\ 000 - 100\ 000) : 2 = 550\ 000$ (®ång)

Sè tiÒn l-ng cña bè lụ: $550\ 000 + 100\ 000 = 650\ 000$ (®ång)

§S: 650 000 ®ång

Câu 6.

a/ 352; 532

$1237 \times 12 + 1237 \times 34 + 1237 + 1237 \times 53$

$= 1237 \times (12 + 34 + 1 + 53)$

$= 1237 \times 100 = 123700$

b/ 235; 325

$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9$

$= (1 + 9) + (2 + 8) + (3 + 7) + (4 + 6) + 5$

$= 10 + 10 + 10 + 10 + 5$

$= 45$

ĐỀ 13

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu 1. B

Câu 2. a/ Đ

b/ Đ

II/ TỰ LUẬN

Câu 1

$12 \times 100 = 1\ 200$

$357 \times 1000 = 357\ 000$

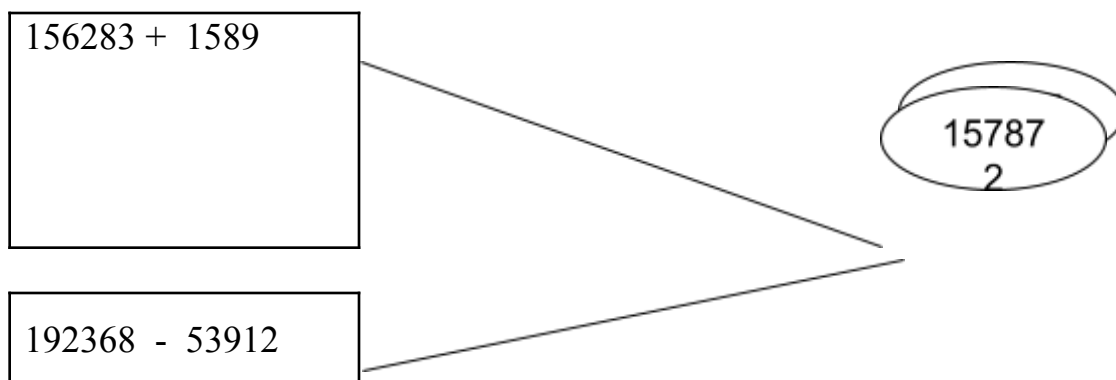
$$3\ 100 : 100 = 31$$

$$203\ 000 : 1000 = 203$$

Câu 2.

1780; 1782; 2274; 2375

Câu 3.



Câu 4. Ghi kết quả vào chỗ chấm.

2 giờ 15 phút = 135 phút

8m 6cm = 806cm

2 tấn 20kg = 1020 kg

3m² = 300 dm²

Câu 5.

Bài giải

Nửa chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:

$$106 : 2 = 53 \text{ (m)}$$

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(53 + 13) : 2 = 33 \text{ (m)}$$

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$53 - 33 = 20 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$33 \times 20 = 660 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 660 m²

Câu 6.

a) Đoạn thẳng AM vuông góc với các đoạn thẳng AD, BC, MN

b) Đoạn thẳng BC song song với đoạn thẳng AD, MN

Câu 7.

$$823546 - 693924 : 28 = 823\ 546 - 24\ 783 \\ = 798\ 763$$

Câu 8. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$$490 \times 365 - 390 \times 365$$

$$= 365 \times (490 - 390)$$

$$= 365 \times 10$$

$$= 3650$$

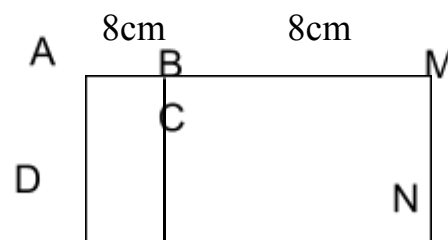
$$40 \times y - y = 190 : 25$$

$$(40 - 1) \times y = 78$$

$$39 \times y = 78$$

$$Y = 78 : 39$$

$$Y = 2$$



ĐỀ 14

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	D	B	C

II/ TỰ LUẬN

Câu 7.

$$\begin{array}{r}
 37052 \\
 + \\
 \hline
 28456 \\
 \hline
 65508
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 596178 \\
 - \\
 \hline
 344695 \\
 \hline
 251483
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 487 \\
 \times \\
 \hline
 215 \\
 \hline
 2435 \\
 \hline
 487 \\
 974 \\
 \hline
 104705
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 14790 \\
 119 \\
 170 \\
 00
 \end{array}
 \begin{array}{r}
 34 \\
 435
 \end{array}$$

Câu 8.

$$\begin{array}{ll}
 \text{a, } 42 \times X = 15792 & \text{b/ } X : 255 = 203 \\
 X = 15792 : 42 & X = 203 \times 255 \\
 X = 376 & X = 5176
 \end{array}$$

Câu 9.

Bài giải

Ngày thứ nhất đội công nhân sửa được số mét đường là:
 $(3450 - 170) : 2 = 1640 \text{ (m)}$

Ngày thứ hai đội công nhân sửa được số mét đường là :
 $3450 - 1640 = 1810 \text{ (m)}$

Đáp số : - 1640 mét đường
 -1810 mét đường.

Câu 10.

$$\begin{array}{ll}
 \text{a/ } 2010 \times 3 + 2010 \times 6 + 2010 & \text{b/ } 2011 \times 89 + 11 \times 2011 \\
 = 2010 \times 3 + 2010 \times 6 + 2010 \times 1 & = 2011 \times (89 + 11) \\
 = 2010 \times (3 + 6 + 1) & = 2011 \times 100 \\
 = 2010 \times 10 & = 201100 \\
 = 20100 &
 \end{array}$$

Câu 11.

Sẽ có y cửa tại trung tâm TBC của 4 chóng tại 4 cửa nà tại phâi bị cho 3 b'n kia 4 cửa.

Vậy trung tâm mỗi ngôi trung tâm sẽ có y cửa:

$$(10 + 15 + 14 + 4) : 3 = 15 \text{ (c©y)}$$

Sè c©y t«i trng ®c lµ:

$$15 + 4 = 19 \text{ (c©y)}$$

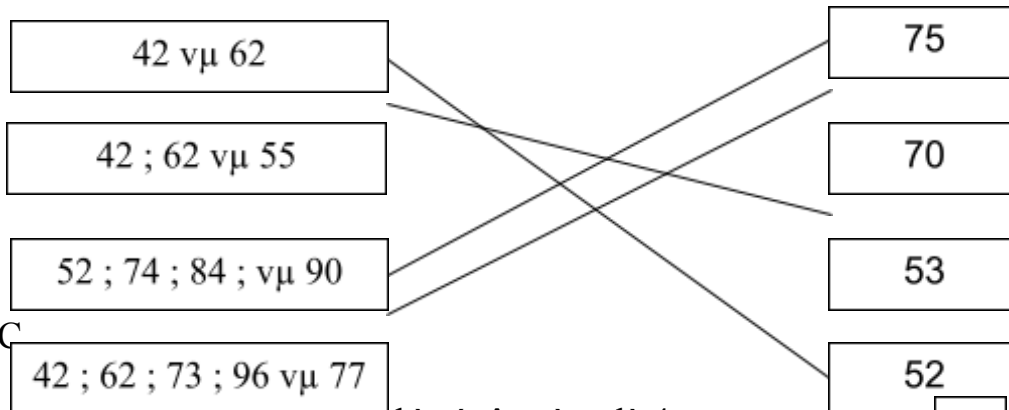
§,p sè : 19 c©y

ĐỀ 15

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu 1. B

Câu 2.



Câu 3. C

Câu 4. 42 ; 62 ; 73 ; 96 và 77

a, Những số chia hết cho 2 thì có tận cùng là 4

b, Những số có chữ số tận cùng là 4 thì chia hết cho 2

b, Những số chia hết cho 3 thì sẽ chia hết cho 9

c, Những số chia hết cho 9 thì sẽ chia hết cho 3

S Đ Đ S

Câu 5.

a/ Với $a = 5$, giá trị của biểu thức $145 + a \times 3 = 145 + 5 \times 3 = 145 + 15 = 160$.

b/ Với $b = 9$, giá trị của biểu thức $945 : b - 57 = 945 : 9 - 57 = 105 - 57 = 48$

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a/ AC song song với BD

b/ AB vuông góc với AC, BD

Câu 2.

a/ 14 121

b/ 795 076

c/ 58 944

d/ 3 459

Câu 3.

8m6cm = 806cm

2 giờ 15 phút = 135 phút

Câu 4.

Bài giải

Trường đó có số học sinh nam là:

$$(548 - 136) : 2 = 206 \text{ (học sinh)}$$

Trường đó có số học sinh nữ là:

$$548 - 206 = 342 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 342 học sinh nam, 206 học sinh nữ

Câu 5.

$$154 \times 35 + 154 \times 65 = 154 \times (35 + 65) \\ = 154 \times 100 = 15\,400$$

ĐỀ 16

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu 1. C

Câu 2.

a/ 3; 4; 4

b/ 4; 7; 5

Câu 3. Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn một trăm linh tám.

Câu 4.

a/ Số 45 567 không chia hết cho 2 và 3.

S

b) Số 19 095 chia hết cho 2 và 5.

Câu 5. A

S

Câu 6. B

Câu 7. 2467; 28 029; 932 999; 943 567; 944 123

Câu 8

• $10\text{dm}^2 = 1000\text{cm}^2$

• $500\text{cm}^2 = 5\text{dm}^2$

• $3400\text{cm}^2 = 34\text{dm}^2$

• $84600\text{cm}^2 = 846\text{dm}^2$

• $280\text{cm}^2 = 2\text{dm}^2\,80\text{cm}^2$

• $5\text{dm}\,23\text{cm}^2 = 523\text{cm}^2$

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a/ $x + 7489 = 7565$

$x = 7565 - 7489$

$x = 76$

b) $x \times 24 = 8544$

$x = 8544 : 24$

$x = 356$

Câu 2.

Bài giải

An hái được số quả cam là:

$(236 - 24) : 2 = 106$ (quả)

Bình hái được số quả cam là:

$236 - 106 = 130$ (quả)

Đáp số: An: 106 quả, Bình: 130 quả.

Câu 3. 25 ; 36

Câu 4.

Bài giải

Tặng c, c ch÷ sẽ cĩa sẽ Òã lụ:

$6 \times 3 = 18$

V× ch÷ sẽ nhá h÷n 10 n^an nỒu ch÷ sẽ hụng Ò÷n vP lụ 1 th× ch÷ sẽ hụng tr÷m lụ 3 vù ch÷ sẽ hụng chóc sĩ lụ:

$$18 - (1 + 3) = 14 > 9 \text{ (lo'i)}$$

Ch÷ sẽ húng ®-n vP lụ 2 th× ch÷ sẽ húng tr÷m lụ 6, ch÷ sẽ húng chóc lụ:

$$18 - (2 + 6) = 10 > 9 \text{ (lo'i)}$$

Ch÷ sẽ húng ®-n vP lụ 3 th× ch÷ sẽ húng tr÷m lụ 9, ch÷ sẽ húng chóc lụ:

$$18 - (3 + 9) = 6$$

VỀy sẽ ph¶i t×m lụ 963.

§,p sẽ : 963

ĐỀ 17

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	A	B	A	a/8; b/0	a/ Đ; b/ S	C

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a/ 67 158 393194 b/ 119 265240

Câu 2.

a/ 90 648 b/ 47 202

Câu 3.

Bài giải

Tổng số tuổi của bố và con là:

$$29 \times 2 = 58 \text{ (tuổi)}$$

Bố có số tuổi là:

$$(58 + 38) : 2 = 48 \text{ (tuổi)}$$

Con có số tuổi là:

$$58 - 48 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Bố: 48 tuổi, con: 10 tuổi

Câu 4.

Theo đề bài thì số HS khối 1 đó có dạng $3ab$. Các em xếp hàng 10 dư 8 vậy $b = 8$. Thay vào ta được số $3a8$. Mặt khác, các em xếp hàng 12 dư 8 nên $3a8 - 8 = 3a0$ phải chia hết cho 12 suy ra $3a0$ chỉ hết cho 3. suy ra $a = 0, 3, 6$ hoặc 9. Ta có các số 330; 390 không chia hết cho 12 vì vậy số HS khối 1 là 308 hoặc 368 em. số 308 không chia hết cho 8 vậy số HS khối 1 của trường đó là 368 em.

ĐỀ 18

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	B	C	a/ 0; b/1

II/ TỰ LUẬN.

Câu 1.

a/ 90 945 1122909 b/ 125 684248

Câu 2.

a/ 30 000 000

b/ 500 000

Câu 3.

Sáu trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm mười nghìn không trăm linh năm.

Câu 4. 34 143; 893 217

Câu 5. 4 679; 82 299

Câu 6.

Bài giải

Phân xưởng thứ nhất làm được số sản phẩm là:

$$(2\,400 + 120) : 2 = 1\,260 \text{ (sản phẩm)}$$

Phân xưởng thứ hai làm được số sản phẩm là:

$$2\,400 - 1\,260 = 1\,140 \text{ (sản phẩm)}$$

Đáp số: - Phân xưởng thứ nhất: 1 260 sản phẩm

- Phân xưởng thứ hai: 1 140 sản phẩm

Câu 7.

Bài giải

Nếu bớt chiều dài thửa ruộng đi 6m ta được một thửa ruộng hình vuông nghĩa là chiều dài hơn chiều rộng 6m.

Nửa chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$84 : 2 = 42 \text{ (m)}$$

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$(42 + 6) : 2 = 24 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$42 - 24 = 20 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$24 \times 20 = 480 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 480m²

ĐỀ 19

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	D	A	A	C

II/ TỰ LUẬN

Câu 1.

a/ 87 048

b/ 318

Câu 2.

Bài giải

Trường đó có số học sinh nam là:

$$(678 - 184) : 2 = 247 \text{ (học sinh)}$$

Trường đó có số học sinh nữ là:

$$678 - 247 = 431 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 247 học sinh nam, 431 học sinh nữ

Câu 3.

Số bị chia nhỏ nhất khi số chia nhỏ nhất có thể được nên số chia sẽ lớn hơn số dư 1 đơn vị.

Số chia là 20 (vì $19 + 1 = 20$)

Số bị chia nhỏ nhất là:

$$12 \times 20 + 19 = 259$$

Đáp số: 259

Câu 4.

Tặng c, c ch÷ sẽ cĩa sẽ Òã lụ:

$$2 \times 3 = 6$$

§Ó sẽ cĩa 3 ch÷ sẽ lụ nhá nhÊt th× hụng tr÷m lụ 1. Sè Òã nhá nhÊt khi ch÷ sẽ hụng tr÷m, hụng ch÷c lụ nhá nhÊt cĩa thÓ cĩa Òic n^n ch÷ sẽ hụng Ò-n vP ph¶i gÊp 4 lÇn ch÷ sẽ hụng tr÷m. VÊy sẽ Òã lụ: 114

Câu 6.

a) Đoạn thẳng BC là của các tam giác, tứ giác: BCE, BCH, BCDA

b) Điểm E là điểm chung các tam giác, tứ giác: BEC, BEH, BEDA

ĐỀ 20

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	C	C	D	C

II/ TỰ LUẬN

Câu 1.

a/ 106 192

b/ 2 844

c/ 3 381

d/ 65

Câu 2.

- Có 4 góc nhọn

- Có 3 góc vuông

- Có 3 cặp đường thẳng song song

- Có 3 góc tù

Câu 3.

Bài giải

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(42 + 18) : 2 = 30 \text{ (m)}$$

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$42 - 30 = 12 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$30 \times 12 = 360 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 360 m²

Câu 4.

$$(145 \times 99 + 145) - (143 \times 101 - 143)$$

$$= 145 \times (99 + 1) - 143 \times (101 - 1)$$

$$\begin{aligned} &= 145 \times 100 - 143 \times 100 \\ &= 100 \times (145 - 143) \\ &= 100 \times 2 \\ &= 200 \end{aligned}$$

Câu 5.

Sẻ lấy dCũ ẽ thĩng thờ ba lụ:

$$(32 + 38) : 2 = 35 \text{ (l)}$$

Sẻ lấy dCũ ẽ thĩng thờ nhÊt, hai, ba lụ:

$$32 + 38 + 35 = 105 \text{ (l)}$$

Trung b×nh céng cĩa c¶c 4 thĩng lụ:

$$(105 - 9) : 3 = 32 \text{ (l)}$$

Sẻ lấy dmu trong thĩng thờ t lụ:

$$32 - 9 = 23 \text{ (l)}$$

§S: 23 lYt

Câu 6.

Số quyền vớ các em được thưởng là : $27 \times 15 = 405$ (quyền vớ)

Số tiền mua vớ là : $3200 \times 405 = 1296000$ (đồng)

Đáp số : 1296000 đồng